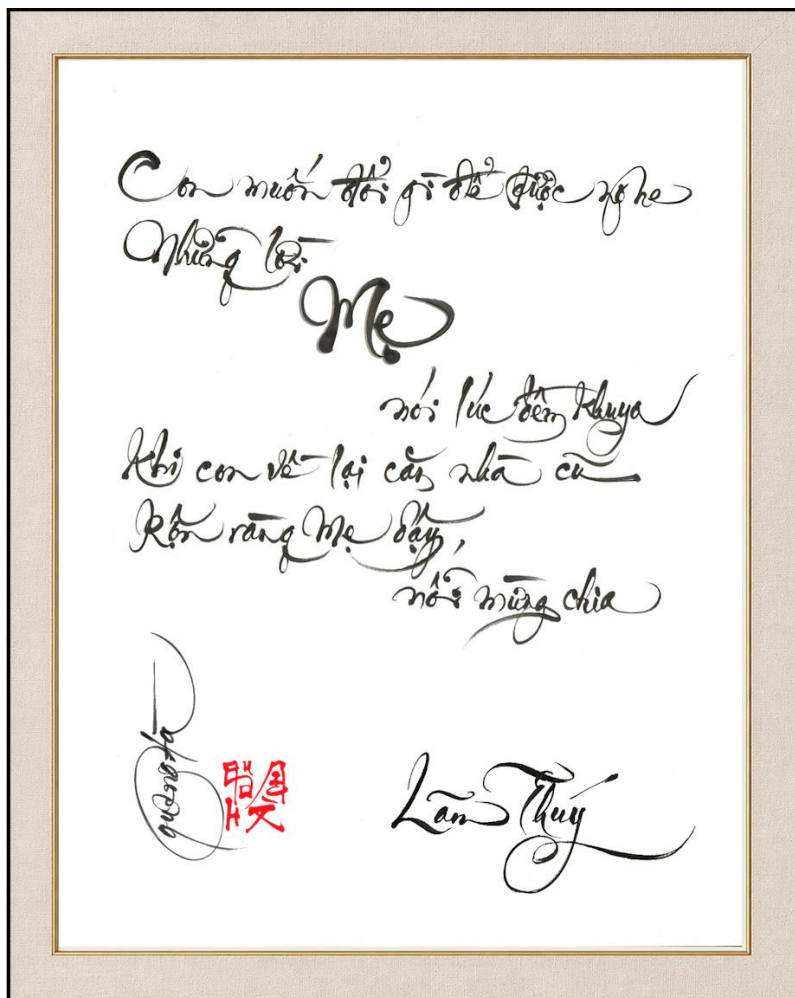


PHẦN II:

LÂM THÚY
TIẾNG THO TỪ TÂM LÒNG HIẾU HẠNH



thơ: Lâm Thúy
thư pháp: Quang Hà



*Con biết đôi gì để được nghe
Những lời Mẹ nói lúc đêm khuya
Khi con về lại căn nhà cũ
Rộn ràng Mẹ dậy, nổi mừng chia...
(Biết Đôi Gì Đây?)*

ĐÔI DÒNG: VỀ LÃM THÚY
TIẾNG THƠ TỪ TẤM LÒNG HIẾU HẠNH
VỖ PHÚ

Trong những ngày hè với nhiều dịp lễ tôn vinh cha mẹ, tạp chí Văn Bút miền Đông, xin được chọn chủ đề “Ơn Cha Nghĩa Mẹ”, đồng thời giới thiệu một tiếng thơ đặc biệt trong văn học Việt Nam hải ngoại: thi sĩ Lâm Thúy. Đề xuất này được sự ủng hộ của nhà văn nhà báo Nguyễn Minh Nữ, người khuyên rằng Lâm Thúy là lựa chọn xứng đáng để viết về Mẹ, bởi bà viết nhiều thơ về mẹ và luôn coi trọng giá trị gia đình. Ý kiến của chủ tịch Hồng Thủy, người thân cận với Lâm Thúy, cũng đồng thuận với đề xuất này.

Trong vườn hoa thi ca hải ngoại, thi sĩ Lâm Thúy là một tiếng thơ đặc biệt: lặng lẽ mà bền bỉ, đau thương mà thánh thiện, chan chứa tình người và thấm đẫm tinh thần Phật giáo. Thơ bà không kỹ thuật cầu kỳ; nó đi thẳng từ trái tim đến trái tim, bằng giọng điệu chân thành, hiền hậu và đầy từ tâm.

Lâm Thúy quê quán tại Nhơn Ái, Phong Điền, Cần Thơ, tốt nghiệp Đại học Sư phạm Cần Thơ. Bà sang Hoa Kỳ từ năm 1992 và hiện định cư tại Maryland. Xuất thân là một cô giáo miền sông nước, bà mang vào thơ nét mộc mạc, chân chất của miền quê Nam Bộ, đồng thời thấm nhuần chiều sâu triết lý và nội tâm.

Thi sĩ Lâm Thúy đã cộng tác với nhiều báo và tạp chí văn học nổi tiếng trong và ngoài nước, như Làng Văn (Canada), Đẹp, Trầm Hương, Kỷ Nguyên Mới, Tiền Phong, Thư Quán Bản Thảo, Đa Hiệu... Qua những trang báo này, tiếng thơ Lâm Thúy dần tạo được dấu ấn riêng, góp phần làm phong phú sinh hoạt văn chương Việt Nam hải ngoại và mang đến cho độc giả những trải nghiệm thi ca đầy cảm xúc và nhân văn.

Trong suốt hơn hai thập niên sáng tác, thi sĩ Lâm Thuý đã xuất bản nhiều tập thơ tiêu biểu, mỗi tập như một chặng đời, một miền tâm cảm riêng: **Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi (2000), Tử Biệt (2014), Từ Mẫu (2014), Thâm Tình (2014)...**

Mỗi tập thơ đều phản ánh chiều sâu nội tâm, sự thấu cảm với con người và đời sống, đồng thời ghi dấu phong cách giản dị nhưng giàu triết lý, mang đậm tinh thần Phật giáo. Nơi cảm xúc gặp gỡ với tư tưởng, và thi ca trở thành hành trình của trái tim và tâm linh. Mỗi tập thơ là một chặng đời, một miền tâm cảm, nhưng tựu trung đều xoay quanh tình mẫu tử và nỗi đau sinh tử.

Thi tập *Từ Mẫu* có thể xem là đỉnh cao trong hành trình thi ca của bà với gần 200 bài thơ, trải dài hơn 400 trang, chia làm ba phần: viết về mẹ, về người con gái đã mất, và về người con gái còn sống. Trong đó, người đọc bắt gặp một người con khóc mẹ, một người mẹ khóc con; hai nỗi đau lớn nhất trong kiếp người.

Tuy nhiên, nhà thơ Lâm Thuý không dừng lại ở tiếng khóc. Nỗi đau trong thơ bà luôn song hành với giáo lý nhà Phật: *vô thường, nghiệp quả, luân hồi, Cực Lạc, Chân Như, Niết Bàn*. Khi mẹ qua đời, bà viết:

*“Hình như đời chẳng còn vui nữa
Từ khi Mẹ ngủ giữa vô thường.”*

Khi tiễn đưa con gái, bà nghẹn ngào:

*“Nhẹ tênh. Ôi! Một kiếp người
Chút tro bụi ấy là đời phù sinh!”*

Ở đây, thi ca không chỉ là biểu đạt cảm xúc, mà còn là một hành vi tâm linh, cầu nguyện và nỗ lực hóa giải khổ đau bằng niềm tin vào từ bi và giải thoát.

Trong tập *Thâm Tình*, bà viết về cha, về gia đình, về bạn bè. Hình ảnh người cha tảo tần, lặng lẽ, ít được văn chương nhắc tới, hiện lên đầy xúc động:

*“Nhớ cha xót dạ bùi ngùi
Thấm câu công núi, ơn trời thâm sâu.”*

Thơ Lãm Thuý không phải là tiếng nói của cái tôi cá nhân đơn độc, mà là tiếng nói của một người phụ nữ sống trọn trong đạo hiếu, đạo nghĩa và đạo tình.

Về giọng điệu và phong cách, thơ Lãm Thuý thiên về thể truyền thống: lục bát, tứ tuyệt, ngũ ngôn... Câu chữ giản dị, ít dụng kỹ thuật nhưng giàu cảm xúc và chiều sâu suy tưởng. Nỗi buồn trong thơ bà không bi lụy; nó trầm tĩnh, sâu lắng trong nỗi buồn của người đã đi qua mất mát nhưng không đánh mất niềm tin.

Các bài viết giới thiệu của văn thi sĩ, kiêm luật sư Tâm Minh Ngô Tằng Giao và thi sĩ Trần Minh Hiền đều đồng ý rằng thơ Lãm Thuý là thơ của “tấm lòng”, một tấm lòng bao dung, vị tha và giàu đức tin. Bà không theo đuổi cách tân hình thức hay lập trường phái. Bà viết để giữ tình, giữ nghĩa, giữ đạo làm con, làm mẹ, làm người.

Nếu ví văn chương hải ngoại như một khu vườn, thì thơ Lãm Thuý là đóa hoa không phô trương, mà tỏa hương bền bỉ. Đọc thơ bà, người ta thương cha mẹ hơn, thương con cái hơn, và nhìn lại chính mình sâu sắc hơn trước lẽ vô thường của kiếp người.

Chân dung văn học của Lãm Thuý là chân dung của một người phụ nữ Việt Nam truyền thống trong hoàn cảnh lưu vong hiện đại: hiếu thảo, bao dung, giàu đức tin và nghị lực.

Thơ bà là sự kết tinh giữa nước mắt và giác ngộ, giữa bi thương và từ bi. Và như tâm nguyện của bà, những vần thơ ấy không chỉ để đọc mà để sưởi ấm trái tim người.

Võ Phú



BIẾT ĐỔI GÌ ĐÂY?

LÂM THÚY

Con biết đổi gì để được nghe
Những lời Mẹ nói lúc đêm khuya
Khi con về lại căn nhà cũ
Rộn ràng Mẹ dậy, nỗi mừng chia

Biết đổi gì quay ngược thời gian
Để được ôm thêm Mẹ một lần
Nói con thương Mẹ thêm lần nữa
(Những lời đã nói suốt nhiều năm!)

Biết đổi gì có Mẹ một ngày
Để thương từng phút, tiếc từng giây
Cận kề bên Mẹ cho lòng thỏa
(Ôi! Có bao giờ thỏa được đây!)

Biết đổi gì cho một sát na
Được cùng Mẹ nói tiếng chia xa
Chắc câu vĩnh biệt đau lòng lắm
Sao nói cho cùng nỗi thiết tha?

Dốc cả lòng cho Mẹ được vui
Chẳng còn chi để tiếc trong đời
Mà con vẫn muốn dài thêm nữa
Khoảng đời có Mẹ, Mẹ yêu ơi!

Ăn chẳng còn ngon, sống chẳng vui
Ngẩn ngơ từ lúc Mẹ qua đời
Mắt không khô lệ, lòng cay đắng
Nghe trái tim mòn đau, tả toi!

Con trải niềm đau khắp thế gian
Để ai còn Mẹ hiểu cho rằng
Họ có một gia tài quý giá
Chớ để Mẹ buồn đau, tủi thân!

Xin hãy làm cho Mẹ được vui
Tặng Mẹ hân hoan những nụ cười
Hãy yêu thương Mẹ, nâng niu Mẹ
Chớ để bao giờ lệ Mẹ rơi!

Hãy về ôm Mẹ giữa vòng tay
Để thấy lòng dâng hạnh phúc đầy
Rồi xót cho bao người bất hạnh
Không còn có Mẹ để vui vầy!

Ta gửi người thông điệp thiết tha
Những ai còn Mẹ với còn cha
Giữ gìn báu vật kia, người nhé!
Đời chẳng dài đâu. Xin hiểu ra!

TỪ MẪU

Chiều. Đứng hiên ngoài trông tuyết đổ
Lòng dung nhớ Mẹ. Nhớ vô bờ
Không biết nơi kia, trời nắng gió
Mẹ nhớ con. Buồn! Lệ có sa?

Mẹ tuổi con gà nên vất vả
Một đời bươn chải để nuôi con
Có lẽ cũng vì lao nhọc quá
Chưa già, mà sức đã mỏi mòn...

Nuôi một bầy con trong cảnh khó
Nhà nghèo, lại ở chốn quê mùa
Mẹ gửi mỗi con đi mỗi chỗ
Chẳng đứa nào cho mẹ được nhờ.

Cứ thấy đứa nào vừa đủ lớn
Vội vàng. Mẹ lại gửi đi xa
Chắt chiu từng cắc, cho tiền bánh
Dạy rằng: *"Ráng học với người ta!"*

Rồi lại nách mang, nuôi đứa nhỏ
Nuôi chồng bệnh hoạn một tay mình
Mẹ ơi! Còn biết bao gian khổ
Lời nào con kể hết điều linh?

Nặng nhọc, đắng cay mình gánh vác
Dành phần ngon ngọt để chồng con
Mẹ ơi! Tim Mẹ tim Bồ tát
Nỗi vị tha nào ai sánh hơn?

Chúng con: Bầy đứa đều khôn lớn
Giữ niềm hiếu đạo với từ thân
Ân sâu, nghĩa nặng, công sinh dưỡng
Để gì trả được một đôi phần?

Con chim đầu đàn bay nẻo lạc
Nhớ về tổ ấm. Nhớ khôn nguôi...
Ngùi trông tuyết đổ, lòng hiu hắt
Thèm tiếng thân yêu Mẹ nói, cười...

Cha Mẹ mỗi ngày thêm tuổi hạc
Làm con, không được sớm khuya hầu
Đợi đến mai kia, về với đất
Rồi chút khăn tang. Tùi mái đầu!

Không nghĩ thì thôi. Quên để sống
Còn nhớ ra, lại quặn thắt lòng
Cha Mẹ tuổi già như trái chín
Mà bóng thời gian tựa gió giông!

Đời sống, chín mười phần bất toại
Thôi. Đành chịu vậy. Biết sao hơn?
Quê nhà dẫu vội. Thừa không tới
Tạ tội. Sầu dâng ngập cả hồn!

13/4/1996

CUỐI NĂM MÀ CHẴNG THẤY XUÂN

Mười năm qua vội như chiêm bao
Mẹ bỏ con đi tự tối nào
Ôi! Chuyển phà đêm về chở xác
Còn mãi trong tim nỗi ghen ngào

Con nhớ lần ly biệt cuối cùng
Đò dọc neo chờ ở bến sông
Mẹ ngồi một góc nhà hiu quạnh
Không khóc mà thương cảm lạ lùng!

Con xuống đò đi, lại trở lên
Mẹ hỏi có gì con bỏ quên
Rằng quên ôm mẹ thêm lần nữa
Ôi! Ghen ngào, Đau xót mong mên

Giây phút rời đi, lòng tái tê
Niềm đau thắt ruột, lệ đầm đìa
Lần đó coi như lần vĩnh biệt
Con về lần nữa mẹ hôn mê!

Hẹn mẹ về ăn tết cùng nhau
Mà xuân từ đó chỉ Xuân sầu
Mẹ đi thế giới thành hiu quạnh
Đời có bao giờ vui nữa đâu!

Mười năm mà lệ có voi đâu
Chất chứa bao nhiêu nỗi thảm sầu
Nhớ mẹ nhiều khi như đứt ruột
Tiếc đời như mộng đã qua mau!

Nhớ mẹ thương sao thuở đói nghèo
Một mình vai mẹ gánh gieo neo
Mẹ về thiên cổ, nay sung túc
Xót mẹ gian lao thuở chống chèo

Trời cuối năm rồi, chẳng thấy xuân
Chỉ còn tưởng nhớ, chỉ rung rung
Tuyết rơi thêm lạnh trời đông bắc
Nhớ xót xa lòng mẹ biết không?

11/2/2021



Tứ Mẫu

thơ Lâm Thúy
xuất bản: 2014

liên lạc: Lâm Thúy

MẸ ƠI VĨNH BIỆT

Mẹ ơi, con về không kịp
Giấc dài mẹ đã hôn mê
Đôi mắt thân yêu đã khép
Mẹ đâu hay biết con về!

Con đi đầu non, cuối bể
Mấy mươi năm, mẹ vẫn chờ
Giờ sao lạnh lòng quá thể
Gọi hoài, mẹ vẫn tro tro!

Mẹ ơi, lòng đau như cắt
Chuyến phà đêm chở xác về
Có một tinh cầu vừa tắt
Lạnh lòng sông chảy dòng khuya...

Sáng nay, người ta khâm liệm
Áo quan đóng nắp lại rồi
Từ đây muôn đời, vĩnh viễn
Đâu còn thấy nữa, Mẹ ơi!

Thân xác vùi trong lòng đất
Mẹ nằm giữa một đôi hoa
Mẹ ơi, mộ vừa mới lấp
Từ đây đất lạnh là nhà!

Từ đây tuyệt vô hy vọng
Quê hương mất dấu thiên đường
Mẹ mang theo niềm vui sống
Lấp cùng dưới đáy mồ chôn!

Mẹ ơi, xác thân yêu dấu
Vùi trong đất lạnh đời đời
Hồn con không nơi nương náu
Biết tìm đâu nữa, Mẹ ơi!

Lặng nhìn bàn thờ nghi ngút
Di ảnh mờ trong khói hương
Thấm nỗi đau buồn tang tóc
Còn gì mà tiếc, mà thương!

Mẹ ơi, tử sinh chia biệt
Một lần cho đến thiên thu
Nghĩa là muôn đời, muôn kiếp
Hết mong gặp Mẹ nhân từ!

BÀI THƠ PHA LỆ

(Kính Tặng Từ Phụ)

Khi xưa mất Mẹ, còn Cha
Giờ Cha cũng khuất, bao la cõi sầu
Con về nhà cũ còn đâu
Nền xưa, biệt thự trắng màu đèn soi

Chao ôi! lộng lẫy tuyệt vời
Mà sao nghe tủi, bụi ngùi gì đâu!
Song song hai nắm mồ cao
Là đây cốt nhục đã vào hư vô

Nay con về lại bơ vơ
Mẹ cha yên nghỉ, lệ mờ tiếc thương
Nhớ ngày gần gũi vấn vương
Nuôi Cha bệnh viện, tưởng còn trông mong

Ngò đâu thuyền đã xuôi dòng
Tử sinh như mộng. Đời không khứ hồi
Tiếc thương rộng cả một trời
Cũng đâu nín được bóng người thân yêu!

Bài thơ pha lệ ít nhiều
Kính dâng Từ phụ vạn điều thiết tha
Ngàn đời ghi tạc bóng Cha
Ân sâu, nghĩa nặng Không nhòa Không phai

ĐÓA HỒNG VU LAN

Vẫn biết đời như huyễn mộng
Thế nào Mẹ cũng ra đi
Mà mong Mẹ còn vui sống
Mỗi năm đón đợi con về

Sống đời tha hương lữ thứ
Vọng hoài một hướng trời quê
Có Mẹ nâng niu gìn giữ
Một góc thiên đường bên kia

Vu Lan lên chùa lễ Phật
Cầu Mẹ trường thọ, sinh tồn
Đóa hồng vô hương hữu sắc
Mà sao bát ngát trong hồn...

Con giữ màu hoa thắm đỏ
Tạ ơn Trời Phật nhiệm màu
Cứ sợ một ngày nào đó
Đổi thành hoa trắng thương đau

Đóa hồng còn nguyên sắc thắm
Đời con đã trắng hoa tang
Mẹ đã về miền xa vắng
Hồn con cay đắng ngập tràn!

Đóa hồng chỉ là kỷ niệm
Nhắc khoảng đời vui qua rồi
Kể từ nay và vĩnh viễn
Con cài hoa trắng, Mẹ ơi!

2011

CÀNH HOA TÍM CŨ VẪN CHƯA PHAI

Những bông hoa tím trong vườn cũ
Nở từ dạo đó đến nay chẳng?
Ở giữa hôm nay và quá khứ
Đường như chẳng có mấy mươi năm

Đường như ta chẳng hề đi khỏi
Vẫn ở nhà xưa, mái lá nghèo
Mẹ quét sân, chiều vang tiếng chổi
Đàn em cười nói, điệu vui reo...

Vẳng tiếng đàn xưa cha cất giọng
Bài ca kháng chiến thuở kiêu hùng
“Nhi nữ tình trường” giảng lưới mỏng
Cha đành “Khí đoản”. Bỏ tang bồng

Ta vẫn qua sông từng sớm nắng
Con thuyền bé nhỏ, nước đầy khoang
Em còn đợi bên đường thăm lặng
Chút tình hư huyền trải mệnh mang

Đường quê bóng rợp, chân khoan, nhặt
Vạt áo bay theo dáng liễu buồn
Ướt nhạc, pha thơ, hồn dàu dặt
Đi về mấy bận, gió mây vương...

Ôi! những chiều đông về. Áo mỏng
Lòng ta: Cô phụ. Lạnh hoang mang
Nở trong chinh chiến. Đòi vô vọng
Tháng năm ngời đợi sắc hương tàn!

Vẫn tưởng như ta còn ở đó
Vàm sông rắng nhuộm, tím hoàng hôn
Mẹ nấu com chiều, đang nhóm lửa
Mái nhà khói quện, ấm cô thôn.

Cuối vườn, có cội bằng lăng nở
Chiều nao rụng cánh, tím nương bèo
Nhà ai hoa giấy bay trong gió
Cánh mỏng manh buồn, nước cuốn theo...

Vẫn tưởng ngoài hiên đời, gió rít
Ta nằm nghe tiếng gọi đò khuya
Điệu buồn trong gió ngân da diết
Vọng giữa giang hà bao sắt se

Và chắc sáng mai ta thức dậy
Sân ngoài sẽ nở trắng phù dung
Đám lục bình xuôi theo dòng chảy
Đôi bờ sông nước rộng mênh mông..

Tưởng như ta gọi... dù rất khẽ
Vẫn tiếng thân yêu, mẹ đáp lời
Chao ôi! Cách biệt nhau là thế
Nhớ xót xa lòng quá. Mẹ ơi!

Chiều nay đứng bên trời viễn xứ
Nghe bụi thời gian lấp nửa đời
Vẫn tưởng như cánh hoa tím cũ
Nở từ dạo ấy vẫn chưa phai.

MỪNG MẸ LỄ NÀY

Biết rồi Mẹ cũng phải đi
Lá vàng thì rụng, buồn chi cũng đành
Mà trong mộng cũng giật mình
Sợ hoa hồng thắm đổi thành hoa tang!

Ngày xa một lúc một gần
Biết ai níu được thời gian lại giữm
Nào ai quét sạch lá rừng
Nào ai van gió cho đừng rung cây.

Mẹ rồi như cánh hạc bay
Khuất nơi vô tận, nhớ đây hồn con
Mẹ đi như nước xa nguồn
Xuôi ra biển rộng, bờ thương dạt dào

Mỗi ngày, sức Mẹ mòn hao
Dầu khô, bắc lặn, con đau lòng nhìn
Chín cây, lắt léo trên cành
Gió ơi! Nhẹ bớt. Mỏng manh kiếp người!

Mỗi ngày đếm tấm lịch rơi
Câu sao cho Mẹ sống đời, ở đây
Năm nay mừng Mẹ lễ này
Năm sau đâu chắc còn ngày vui chung!

11/5/07

PHẢI CHI

Phải chi người về thăm mộ Mẹ
Thắp hương cho ấm chỗ Cha nằm
Ra vườn, ghé hỏi cành hoa Khế:
"Có nhớ gì không người xa xăm?"

Phải chi người về thăm bến sông
Dù mưa hay nắng cũng rung lòng
Năm xưa bến ấy ai qua vội
Có lệ rơi theo xác pháo hồng

Chốn đó: Thiên đường trong vọng tưởng
Sao người không ghé lại vài giây?
Ta đi. Đòi giặt về trăm hương
Thương từng vạt nắng, nhớ vui đây...

Một chuyến phà thôi, nửa đoạn đường
Làm như xa cách đến muôn phương
Bên kia Thiên Viện, bên đây mộ
Không ghé. Thôi thì: Tại chẳng thương!

Ta nhớ vườn xanh, nhớ thiết tha
Cành Mai trong trí. Tết xa nhà
Phải chi người ghé cho ta nhắn:
"Lữ khách bên trời dạ xót xa!"

22/02/2019

NHỮNG GIẤC MƠ

Mơ thấy ta về nhà cũ
Thuở còn vách lá đơn sơ
Ta còn sống đời lam lũ
Với đàn em đại ngây thơ

Nhà bên giòng sông quê ngoại
Bâng khuâng bìm bịp kêu chiều
Nước lớn, sông đầy, cuộn chảy
Đôi bờ lau lách đìu hiu...

Ở đó, cuộc đời bình lặng
Trăng quê soi cảnh cơ hàn
Biết bao nhọc nhằn, cay đắng
Tháng năm túng thiếu, nợ nần...

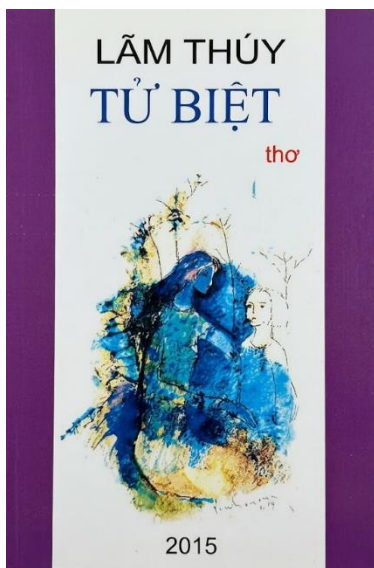
Cha còn soi chim, bẫy cá
Mẹ còn áo rách vá vai
Quết chuối, nuôi heo vất vả
Đói no sớm tối sum vầy

Mà đời hồn nhiên vui sống
Ngoại còn tươi đám trầu xanh
Ta còn bao nhiêu ước vọng
Vươn lên cuộc sống trong lành

Mơ thấy ta về nhà cũ
Vườn hoang, cỏ dại lan đầy
Thuở ấy, mới về lại xứ
Chị em cơ cực lưới chài

Mơ thấy con còn thơ dại
Cha tù tội chốn xa xăm
Mẹ con về nương nấu ngoai
Tuổi thơ vất vả, gian nan

Mơ thấy trong căn chái cũ
Con kê tay mẹ gối đầu
Lạnh lùng những đêm gió hú
Cận kề, hơi ấm chia nhau.



Tử Biệt

thơ Lâm Thúy
xuất bản: 2015

liên lạc: Lâm Thúy

KHOẢNG CÁCH CỦA BIỆT LY

(*Thương mến tặng Cung Thị Lan*)

Người đi như một nhánh sông chia
Biên biệt trường giang nước chẳng về
Mây bay về phía trời vô tận
Cho dài khoảng cách của biệt ly...

Người đi. Bạn với trăng muôn thuở
Một ánh sao băng ở cuối trời
Bóng tối trải dài trong huyết mộ
Đêm trường chấp chới ánh ma troi!

Hồn ở đâu bay trong vô cùng
Một trời thương nhớ bỏ sau lưng
Bao nhiêu giọt lệ còn vương vấn
Cũng xuôi tay rũ sạch hồng trần!

Còn đợi nhau hoài trong cõi mộng
Người đi. Biên biệt chẳng quay về
Mới biết: Phù sinh như bọt sóng
Và vô cùng khoảng cách biệt ly!

Người khuất, người đi. Tay đã lạnh
Hồn đã bay trong cõi vĩnh hằng
Trăm năm, một thoáng là hư ảnh
Ngàn thu bản bật ánh trăng tang!

ĐỌC THƠ TRẦN HOÀI THU

(Kính tặng THT)

Ta đọc thơ người, hồn bỗng nhớ
Bình nguyên sông nước rải trắng vàng
Leo lét bờ xa dăm đóm lửa
Thuyền về, chỏ nặng mấy khoang trắng

Những người con gái miền Châu thổ
Da thịt tươi hồng như trái cây
Chân thật, hiền hoà như trẻ nhỏ
Nồng nàn như rượu, uống là say

Những người nơi ấy, hồn như cỏ
Sống hồn nhiên, chất phác, quê mùa
Nghĩ sao nói vậy, lời không lựa
Rất thật thà, ruột để ngoài da.

Thơ Người mang nỗi tình sâu nặng
Một thời chinh chiến, núi sông đau
Lắm lúc bạn, thù chung số phận
Mạng người cũng rẻ tựa bèo dâu!

Thương những người trai thời khói lửa
Máu xương từng đổ, giữ non sông
Nhưng mộng công danh đành để lỡ
Đầu bạc quê người nhớ kiếm cung

Thương những “Hàng thần lơ lảo” ấy
Áo trận thay ra, mặc áo tù
Đêm tàn, mộng gửi ngoài biên ải
Núi rừng Tây Bắc lạnh thâm u

Thương những đời trai cung kiếm gầy
Củ gánh, bò chẵn, kiếp nhục nhằn
Quốc nạn, anh hùng đành phải vậy
Nhẹ gánh tang bồng, nặng gánh phân!

Nước độc, rừng thiêng thân đói lạnh
Biết bao dũng tướng đã không về
Tiếc hoài oanh liệt thời tung cánh
Vất vương hồn oan nơi suối khe.

Kiếm sĩ sang Tần, qua sông Dịch
Bạo chúa ra oai, giết một lần
Làm tù “Cải tạo” trong tay địch
Cái chết xem ra nhẹ mấy phần!

Thơ người mang cả trời bi hận
Quốc phá, gia vong, đời nát tan
Những người con gái tàn hương phấn
Ô nhục mang theo xuống suối vàng!

Những ai thà chết, thân không nhục
Xác vất bên rào nặng kềm gai
Những ai đã vượt mà không thoát
Hồn ngân trong biển khúc bi ai

Những người yêu nước, rời xa nước
Bất lực nhìn quê hương điêu tàn
Nỗi riêng canh cánh, hồn chua xót
Vui gì buổi nước mất, nhà tan!

Những khúc hùng ca bi tráng cũ
Dường nghe ai hát vọng bên trời
Khắc khoải, ngậm ngùi niềm viễn xứ
Người cũng như ta, lòng chẳng nguôi

Mưa mấy hôm, trời Đông Bắc lạnh
Đọc thơ, dường ấm chút tình quê
Ta cũng như người, dù gãy cánh
Chưa nguôi ước vọng sẽ quay về

Thì hẹn nhau một ngày Người nhé
Ta về thăm lại nhánh sông xưa
Hoà nước sông đầy, pha giận lệ
Nghe tình cổ thổ ấm hồn thơ

HỒNG THỦY, CÁNH HOA ĐẠI MÀU VÀNG



Trong văn giới vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Hồng Thủy là một khuôn mặt nổi bật. Chị góp mặt hầu hết những hội đoàn sinh hoạt về văn học nghệ thuật trong và ngoài vùng, nếu không là chủ biên, ban chấp hành thì cũng là một thành viên tích cực. Chị hoạt động hăng say, tận tình với bạn bè, hết lòng với công việc.

Trong tuần tháng 10 vừa qua chị ra mắt đọc giả tuyển tập: *“Những Cánh Hoa Đại Màu Vàng”* tại Jewish Community Center ở Annandale, Virginia.

Có thể nói đây là một buổi ra mắt sách thành công vượt bậc, cả số lượng người đến tham dự (Khoảng 500 người) và số sách tiêu thụ (Gần 300 quyển), nhiều người cho rằng buổi ra mắt sách đã thành công ngoài sức tưởng tượng. *(Trong đó nhà văn Sơn Tùng, cựu chủ tịch văn bút VIỆT NAM HẢI NGOẠI)*

Riêng Lãm Thúy, không đồng ý với nhận xét đó, cãi rằng ngay khi chưa tổ chức buổi ra mắt mọi người đều biết chắc là Hồng Thủy sẽ thành công rực rỡ. Nói thế có nghĩa là thành công trong dự đoán. Do đâu mà có sự xác tín đó? Chỉ vì Hồng Thủy luôn sốt sắng giúp đỡ các hội đoàn khi có những buổi họp mặt, gây quỹ, bán vé... thì chắc chắn năm trên năm rằng chị sẽ được bồi hoàn. Mặt khác, Hồng Thủy hoạt động trong nhiều hội đoàn. Chị là ái nữ của Trung Vương, là con dâu của Chu Văn An, là thành viên của câu lạc bộ

Văn học nghệ thuật, là phụ tá chủ bút nguyệt san Kỷ Nguyên Mới và là hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại vùng Đông Bắc Hoa Kỳ. (Điều này không thấy chị ghi trong phần tiểu sử).

Hơn hết, chị là một người có uy tín rộng rãi, được mọi người yêu mến, cộng thêm ảnh hưởng sâu rộng của phu quân chị: Anh Bùi Cửu Viên, một cựu đại tá tư lệnh vùng 3 duyên hải, cùng những quan hệ rộng rãi trong công việc làm ăn. Tất cả sự cộng hưởng ấy là một bảo đảm chắc chắn nhất cho sự thành công ắt có và đủ.

Khi chị Hồng Thủy cầm bút viết những truyện ngắn đầu tiên gửi in trên báo Tiếng Chuông, Lãm Thúy còn chưa bước vào ngưỡng cửa tiểu học, kể *“Hậu sinh khả...ô”* này chẳng dám vô phép phê bình tác phẩm của bậc đàn chị như thế, nhất là bản thân Lãm Thúy chưa hề viết truyện ngắn, hồi ký, phiếm luận gì cả. Sờ dĩ dám *“mạo phạm”* là vì khi đọc xong *“Những Cánh Hoa Đại Màu Vàng”*, cảm thấy xúc động bởi cái tình cảm dạt dào trang trải trong đó mới cả gan nói lên vài cảm nghĩ đơn sơ, mong độc giả và chị Hồng Thủy lượng thứ.

OK, màu mè, khách sáo thế đủ rồi, giờ thì mời quý độc giả đi vào rừng hoa vàng khoe sắc của nhà văn Hồng Thủy.

Những Cánh Hoa Đại Màu Vàng là một tuyển tập tổng hợp của nhiều thể loại văn học: Truyện ngắn (15), phiếm (6), hồi ký (8), tùy bút (10), thơ (10), nhạc (4). Mỗi thể loại mang một sắc thái riêng biệt và có sức hấp dẫn riêng.

Trước nhất, ta nói về truyện ngắn. Nhìn chung, truyện ngắn của Hồng Thủy mang tính cách lãng mạn, nhẹ nhàng, những nhân vật của chị yêu nhau bằng sự hoà hợp của tâm hồn nhưng thường gặp trắc trở hoặc yêu nhau trong hoàn cảnh trái ngang bởi vì họ có vợ hoặc chồng với cuộc sống không hoà hợp nhưng họ vẫn chịu đựng cảnh *“Trông đánh xuôi, kèn thổi ngược”*, không muốn phá vỡ những trật tự xã hội, không dám dấn thân vào những cuộc phiêu lưu vô định. Những nhân vật ấy có nếp sống chừng mực, đạo đức, yêu

nhưng dừng lại đúng lúc vì không muốn làm tan vỡ gia đình, không nỡ làm thương tổn người khác.

Bối cảnh gặp gỡ là những cuộc du lịch (*Dũng và Diễm Lệ trong “Hoàng hôn trên Grand Canyon”*), những chuyến công tác, hội họp (*Hữu và Quyên trong “Đêm trắng ở San Francisco”*), trong sở làm (*Nguyễn và Trinh trong “Những cánh hoa đại màu vàng”*), trong lớp học (*Hoài và Uyên trong “Một chút nắng hồng”*).

Nói chung, câu truyện được diễn ra một cách tự nhiên với những cấu trúc đơn giản mà gợi cảm, gần gũi với độc giả, tưởng như chúng ta có thể bắt gặp những mối tình như thế ở khắp nơi trong cuộc sống.

Bằng một văn phong nhẹ nhàng, trong sáng, chị đưa người đọc vào những tình tiết nên thơ đầy cảm tính.

Đọc truyện Hồng Thủy, ta không tìm thấy sự cầu kỳ, cũng không dùng quá nhiều hư cấu. Có khi, chị gói ghém vào một nhân vật nào đó những triết lý sống, nhắc nhở ta nên quý yêu hiện tại, đừng để khi mất đi rồi mới nhớ tiếc, ân hận (như tâm trạng của Quyên khi chồng bị tai nạn xe hơi, qua đời trong lúc hai vợ chồng đang giận nhau vì những điều không đáng và người vợ đã không nhận lời giảng hoà của chồng lúc anh ra đi) hoặc trong truyện *“Giá hạnh phúc”*, chị tỏ ra là người rất sành tâm lý khi để cho nhân vật Diễm Thu khi đứng trước nguy cơ của căn bệnh hiểm nghèo, bỗng hiểu được giá trị của hạnh phúc, hiểu được sự quý giá của cuộc sống bình thường với những người thân yêu. Điều này nghe ra chẳng có gì mới mẻ nhưng thực sự đã mấy ai hiểu được một cách tận tường, mấy ai đã thực thi nó trong đời sống? Nếu như tất cả mọi người đều sống như ngày mai là ngày cuối cùng thì thế giới sẽ đẹp biết bao, con người sẽ tốt biết bao, tình người sẽ thấm đượm biết bao, gia đình sẽ hòa thuận, nhường nhịn nhau biết bao!

Đi vào từng câu truyện ta bắt gặp những cuộc hôn nhân bất như ý. Trong *“Những cánh hoa đại màu vàng”*, Nguyễn lấy vợ không vì

yêu, cả Trâm, vợ anh cũng vì nghe lời cha mẹ mà chấp thuận cuộc hôn nhân. *“Sau tuần trăng mật cuộc sống của hai người chỉ là một mùa đông dài lạnh lẽo! Họ có quá nhiều điểm khác biệt với nhau”*

Trinh và Nguyễn gặp lại sau bao nhiêu năm dài xa cách. Họ còn yêu nhau, còn những rung động thiết tha nhưng Trinh phải bỏ đi vì Trâm giờ thì chỉ còn là người đàn bà tật nguyền. Trinh không nỡ cướp đi người chồng, người cha của vợ con chàng.

Mối tình của Lê và Dũng trong *“Hoàng hôn trên Grand Canyon”* cũng là sự gặp lại của hai người quen biết cũ. Chàng là ông anh của bạn, nàng là bạn của cô em. Chàng si tình nàng nhưng nàng đã có nơi hứa hôn dù nàng thật sự không muốn lấy chồng, cũng không yêu. Chàng bỏ đi, mang theo hình ảnh người con gái xinh đẹp đáng thương như mối tình tuyệt vọng trong thơ Khái Hưng.

“Lòng ta chôn một mối tình

Tình trong giây phút mà thành thiên thu”

Hai mươi mấy năm xa cách. Dũng và Diễm Lê gặp lại nhau khi người đàn bà đang ngao ngán vì sự khác biệt với chồng ngày càng lộ rõ, càng trầm trọng. Lê thì *“mơ mộng, thích thiên nhiên, dễ xúc động”*; Toàn, chồng nàng, thì *“Thực tế tới độ trở thành khô khan và hơi ích kỷ”*. Gặp lại Dũng, biết anh ta còn yêu mình, khám phá ra sự hoà hợp tuyệt vời giữa hai tâm hồn trong chuyến đi dã ngoại (Hiking), bắt gặp sự rung động mới mẻ đây rồi khi Dũng nắm tay nàng *“Bàn tay chàng hình như có điện, làm cho nàng bối rối lạ lùng”*. Rồi thì họ cũng chia tay nhau, để nàng *“Yên phận đi nốt con đường em đã lỡ đi”*. Còn chàng thì đem bức ảnh kỷ niệm của nàng (bức ảnh chỉ lấy dáng người đứng ngắm hoàng hôn không rõ mặt) đi dự thi nhiếp ảnh toàn quốc và đã đoạt giải nhất. Trong tờ báo in bức ảnh ấy, người được phỏng vấn đã trả lời rằng đây là bức ảnh *“Đặc ý và quý giá nhất”* của ông vì ông đã chụp nó bằng *“Tất cả rung động của trái tim”* và người mẫu đó chính là *“Người đàn bà độc nhất mà ông đã yêu bằng cả tâm hồn.”*

Một mối tình thật đẹp, thật lãng mạn và cuối cùng thì Lệ cũng tiếp tục sống với người chồng thích nhậu nhẹt cùng bạn bè, thích bài bạc vui chơi hơn là tìm hiểu trái tim nhạy cảm của người vợ cô đơn.

Trong một truyện ngắn khác: *“Đêm trắng ở San Francisco”* bối cảnh là cuộc họp của một ngân hàng lớn của New York mà Hữu là nhân viên cao cấp đến San Francisco để thuyết trình, Quyên là một người địa phương, làm việc trong chi nhánh của ngân hàng, một goá phụ trẻ, duyên dáng. Trường hợp này Hữu lại là người đàn ông *“Dễ xúc động và mềm lòng”* còn vợ chàng thì *“Cứng cỏi”, “Can đảm”* Linh là một bác sĩ giỏi, bận rộn, không có thì giờ nhiều cho chồng con.

Hữu và Quyên cùng tần số, yêu nhau dễ dàng, tự nhiên khi cùng đi ngắm trăng ở San Francisco, nhưng rồi Hữu cũng phải trở về cùng vợ con vì Quyên không muốn phá vỡ gia đình của chàng.

Ngoài những mối tình nửa vơi, nhẹ nhàng, lãng mạn, Hồng Thủy còn có những truyện ngắn êm thắm, tròn trịa như *“Xuân lan”*, *“Đẹp”* hoặc êm ái, ấm áp như *“Một chút nắng hồng”*, *“Mùa xuân ở vùng Hoa Thịnh Đốn”*.

Trong *“Xuân lan”* tấm lòng yêu thương chung thủy của Thành đã khôi phục cuộc sống cho Quyên- người chàng yêu tha thiết nhưng nghịch cảnh đã đẩy cả hai vào một tình huống bi thương: Quyên vượt biên bị hải tặc làm hại cuộc đời, trốn tránh Thành vì mặc cảm tội lỗi, vì xấu hổ.

Tình yêu nồng nàn, chân thành của Thành đã dần dần giúp vợ trở về cuộc sống bình thường, đặc biệt là khi nàng có mang đứa con đầu lòng. Họ vun bồi hạnh phúc, xóa bỏ dĩ vãng đau thương, chung vai xây đắp một tương lai tươi sáng.

Trong truyện *“Đẹp”* Hồng Thủy bày tỏ một quan niệm dứt khoát về cái đẹp của người phụ nữ, một quan niệm minh bạch từ

ngàn xưa “Cái nết đánh chết cái đẹp”. (Chứ không phải “Cái đẹp đánh bẹp cái nết” đâu nghe quý vị độc giả!)

Chính vì thế, Thành đã yêu Trinh vì tìm thấy cái đẹp trong tâm hồn nàng như chàng bày tỏ “Cái đẹp bề ngoài không quan trọng... chỉ có cái đẹp của tâm hồn mới bền vững với thời gian”

Trong “*Mùa xuân ở vùng Hoa Thịnh Đốn*”, câu chuyện kết thúc có hậu khi cặp tình nhân cũ – Hoài và Tuyết Anh vừa là sui gia, vừa là vợ chồng khi được tái hợp sau bao năm xa cách, lỡ làng.

Những truyện “*Sinh nhật của Cu Tí*”, “*Giọt lệ cuối năm*” “*Mùa xuân vĩnh biệt*” là những mẫu chuyện buồn, những kết thúc bi thảm.

Cha Cu Tí chết ngày sinh nhật bé (11- 9). Giọt lệ cuối năm - Ông già nghèo bán cây thông đêm Noel đã không kịp nhận máy game cho cháu từ người đàn bà tốt bụng, đã bị xe cứu thương chở đi trước khi nhân vật “Tôi” kịp đến, trao món quà mà con chị có nhã ý trao tặng để làm mẹ vui lòng.

“Bốn mươi năm ấy”, “Tan mơ”, “Ngày hội ngộ” cũng là những mẫu truyện đáng thương thức.

Lâm Thúy e rằng nếu mình nói hết những điều hay đẹp trong tất cả những truyện ngắn thì quý vị độc giả sẽ thấy đủ rồi và không nôn nóng muốn tìm đọc tác phẩm nữa, nên xin phép dừng lại ở đây cho phần truyện ngắn. Chỉ xin ghi thêm một nhận xét nhỏ nữa thôi:

Nhìn chung, truyện ngắn của Hồng Thủy được viết dưới một bút pháp tự nhiên, trong sáng, có chút lãng mạn nhưng không bức phá, không đập đổ những thành trì đạo đức có tự ngàn xưa.

Nhưng thật lòng mà nói, Lâm Thúy xúc động vì những hồi ký của chị hơn và đó là lý do chính để Lâm Thúy viết bài này.

Hồng Thủy viết hồi ký bằng một giọng văn đầy cảm xúc, chân thành và có sức hấp dẫn lạ lùng. Mỗi đoạn đời là mỗi xót xa, nhớ tiếc, ngậm ngùi.

Trong “Ý thầm “HT làm LT rơi nước mắt khi diễn đạt tâm lý của người mẹ lúc đưa con gái út yêu quý lấy chồng. Từ sự trống vắng của gian phòng nhỏ đến những con gấu nằm lặng lẽ ở góc giường, những cánh hoa Hồng khô trên đầu tủ đến những cuốn Album mang đầy hình ảnh dấu yêu qua bao tháng ngày chung cùng. Tất cả làm nên nỗi nhớ tiếc, sự đau buồn một cách tự nhiên, dù người mẹ nào cũng muốn con mình có được cuộc sống riêng tư, hạnh phúc.

Mỗi bức hình không phải là một tờ giấy chết mà là từng kỷ niệm sống động trong lòng người mẹ.

Chị Hồng Thủy ơi! Con chị chỉ đi lấy chồng thôi, vẫn còn gần gũi chị mà chị còn xót xa, buồn bã vậy, chị có biết Lâm Thúy khi nhìn những kỷ niệm của đứa con gái ba mươi tuổi đã qua đời, lòng đau đón đến ngần nào không?

Từng khúc phim, từng bức hình, từng dấu tích yêu thương, ngay cả những vật dụng tầm thường dùng trong bệnh viện những ngày sau cuối Lâm Thúy đều giữ lại, giữ để xót đau thêm, ngậm ngùi hơn mỗi khi nhìn thấy!

Đó là những nỗi đau xé lòng và cũng là cảm xúc chân thực của hàng trăm bài thơ đắm lệt.

Trái tim Lâm Thúy dường như thắt lại, lòng xót xa đến ứa lệ, nghe mũi mình nong lên khi đọc đến đoạn chị thuật lại cảnh những người lính Hải Quân thất trận bồng bế thê nhi xuống tàu di tản.. Qua đến Phi Luật Tân, tại Subic Bay, trước khi trả tàu lại cho Hải Quân Mỹ, toàn thể Sĩ Quan, Binh Sĩ Hải Quân làm lễ chào Quốc Kỳ VNCH lần cuối cùng. Hình ảnh lá Quốc Kỳ đang bay phất phới trên đài chỉ huy của tàu bị hạ xuống là hình ảnh một thời đại đã cáo chung, một hình ảnh bi tráng, thương đau dễ khiến người rơi lệ!

Cũng thật xúc động khi Hồng Thủy tả lại cảnh cựu Đại tá Bùi Cửu Viên buồn bã cỡi bộ đồ Sĩ Quan Hải Quân tác chiến buồm

xuống sàn tàu cùng chiếc mũ, những thứ mà Anh đã gắn bó biết bao năm trong đời binh nghiệp.

Bất chợt, LT nhớ lại một câu trong quyển tiểu thuyết nào đó của Từ Kế Tường: *“Khi tôi bắt đầu biết yêu màu lá thì hơi Thu đã bằng bạc thổi về!”*. Có lẽ những Quân nhân của Chính Phủ VNCH nói chung, các chiến sĩ Hải quân nói riêng, và đặc biệt là Anh Bùi Cửu Viên, phút hạ kỳ, coi bỏ Quân Phục là lúc các Anh biết hơn bao giờ hết thế nào là yêu quý sắc áo màu cờ.

Buông bỏ mảnh tàn y là buông bỏ mọi vinh quang, là chấm dứt một cách tức tưởi cuộc đời binh nghiệp. Còn lá cờ vàng ba sọc đỏ đang hạ xuống kia, không phải chỉ là những mảnh vải vô tri, vô giác mà là hồn nước non dân tộc đang bị vùi dập đến oằn oại trong đau thương!

Hành động chạy ngược lại để gỡ bộ lon của chồng nhét vội vào túi hành lý của chị là hành động đầy ý thức. Cái ý thức nuôi tiếc xót xa một thời đại đã tiêu vong, một vinh quang đã lụi tàn, một nín kéo tuyệt vọng.

Cũng trong phần hồi ký “Mùa Xuân không trở lại” là phần nói về tuổi thơ của tác giả và người Mẹ góa bụa đã hy sinh cả cuộc đời xuân sắc thắm tươi để nuôi dưỡng hai đứa con thơ dại mồ côi. Hình ảnh Mẹ chị cùng Bác T... ngồi trên tảng đá lớn để nói chuyện và đôi mắt đỏ hoe của Mẹ chị khi Bác T. già từ đủ nói lên tình cảm thiết tha của người goá phụ trẻ, nhưng vì lễ giáo, vì những định lệ khắt khe, vì thương con nhỏ dại, Mẹ chị đã bóp nát những ước mơ riêng tư, thầm kín để tiếp tục thủ tiết thờ chồng, kéo dài cuộc đời đơn lẻ cô quạnh cho đến ngày nay, gần bảy chục năm trời.

Hồng Thủy hối hận là phải, nhưng bù lại chị đã yêu thương Mẹ bằng cả tấm lòng hiếu thảo, vậy cũng xứng đáng với sự hy sinh to lớn của người Mẹ đáng thương, đáng kính.

Nếu nói Văn tức là người thì Hồng Thủy đã gửi vào tác phẩm chị những tình thương đậm đà với người thân yêu. Từ Mẹ đến Anh,

rồi chồng con, bè bạn,... Ai chị cũng dành cho những lời đẹp đẽ ngọt ngào. Nếu hồi ký thật xúc động thì Phiếm chị viết thật duyên dáng, hài hước,...

Còn tùy bút lại khéo léo khôn ngoan, viết về người nào chị cũng tìm được những nét đặc sắc của người đó, ghi lại một cách linh động. Ngòi bút chị như chiếc đũa thần, tô điểm cho những *"nhân vật sống"* ấy bao nhiêu màu sắc, đường nét hấp dẫn. Từ Du Tử Lê đạo mạo hiền hoà chân thành với trái tim mềm như bún đến Nhật Bằng đẹp trai, thủy chung; Từ Ngô Thụy Miên sáng tác nhạc thật hay, viết lời ca thật tuyệt đến Từ Công Phụng, một nhạc sĩ tài hoa, một giọng hát ngọt ngào, truyền cảm; Từ Nguyễn Ánh 9 với tiếng dương cầm dịu dặt, với cá tính khiêm tốn, bình dị đến Lam Phương tài hoa mà sóng gió, cô đơn và đọa đày,...

Dù là thơ hay truyện, dù là phiếm hay tùy bút, dù là hồi ký hay sáng tác, Hồng Thủy cũng chọn cho mình một thể đứng vững vàng, tự nhiên và tự tin. Khi dí dỏm, khi gợi cảm; khi khiến người bật cười, lúc xui người rơi lệ. Vậy là đạt rồi chứ gì, phải không quý độc giả?

Đọc một tác phẩm phong phú như vậy, đưa ra vài nhận xét, giống như *"Cuối ngựa xem hoa"*, thật còn nhiều thiếu sót, chỉ là *"Sức người có hạn"*, viết có bao nhiêu đó mà phải nhờ người bạn giúp gõ chữ phần lớn, còn Lãm Thúy thì vừa viết phần nhỏ, vừa ngủ gục, đã gần 4 giờ sáng rồi.

Xin lượng thứ.

Lãm Thúy

Độc Tập Thơ
DÒNG MỘC THA HƯƠNG
của **Đặng Nguyên**

*T*rong kinh Pháp cú có mấy câu ca ngợi người đạo đức mà

Lãm Thúy rất thích:

*“Không có hương hoa nào
Bay ngược chiều gió thổi
Chỉ hương người đức hạnh
Bay ngược gió bốn phương”*

Đối với cái nhìn của Lãm Thúy, Đặng Nguyên là một người đức hạnh.

May mắn được quen biết rồi dần đi đến thân tình và làm việc chung với anh trong nhiều năm, Lãm Thúy học được rất nhiều điều tốt đẹp ở Đặng Nguyên: Sự khiêm cung, lòng tận tụy, đức tính chan hòa, hiền lành; sống có tình có nghĩa, có trước, có sau.

Nhớ có lần anh mời vài người bạn cùng sinh hoạt trong Văn Bút Miền Đông đến nhà anh ăn giỗ. Hỏi ra mới biết giỗ nhạc mẫu của anh, trong khi người vợ đầu ắp tay gối đã chia tay với anh khi anh còn đang bị giam cầm trong “Trại cải tạo”.

Gần gũi với Anh mới thấy được tấm lòng yêu thương tha thiết của anh với con, với cháu khi anh không nề khó nhọc, bôn ba từ Maryland sang Virginia, quanh đi quẩn lại bao nhiêu bận để sẵn sóc cho các cháu nội ngoại sống xa cách nhau. Đối với Văn Thi hữu

anh cũng sẵn lòng đưa đón dù xa xôi, dù ngược đường; cũng hết lòng giúp đỡ khi bạn cần bằng một thái độ bao dung, hoà nhã.

Nhưng trên hết những thứ đó là một trái tim tha thiết với quê hương dân tộc, một nỗi hoài mong canh cánh bên lòng suốt những năm tháng lưu vong.

“DÒNG MỰC THA HƯƠNG” phải chăng là dòng máu thấm chảy ra từ trái tim tha thiết ấy?

Ngay trong những câu thơ đầu “Thay lời tựa” Đặng Nguyên đã cho ta thấy “DÒNG MỰC THA HƯƠNG” chính là dòng lệ nhớ nước thương đời:

*“Ra đi chưa trọn tình sông núi
Nhớ nước thương đời lệ lệ rơi”*

Tấm lòng tác giả là một tấm lòng chân thực đầy sự biết ơn với người đời:

*“Tạ ơn người đến với thơ tôi
Xin trao hoa thắm để người vui”*

Với bạn bè:

*“Tạ ơn bằng hữu chẳng quên tôi
Giữa cuộc phong ba rồi rồi bởi
Vẫn có tình người an ủi bạn
Một vòng hoa thắm xin trao người”*

Với thơ:

*“Tạ ơn thơ đã cho tôi mộng
Nếu chẳng còn thơ mộng cũng tàn”.*

Với tự do:

*“Tạ ơn Tự Do cho tôi sống
Tôi viết tình tôi chẳng dỏ dưng”*

Thơ Đặng Nguyên tràn ngập những yêu thương: Yêu thân nhân, bè bạn, chiến hữu, đồng đội, nhưng có lẽ sâu sắc nhất vẫn là nỗi nhớ quê hương thấm đượm trong lòng.

Anh nhớ Miền Đông, nhớ nắng, nhớ chiều Xuân Lộc, nhớ con đường đất đỏ, bờ suối xanh và vạt áo người thương.

Nỗi nhớ ấy còn trải rộng những vườn cây ăn trái màu đất đỏ pha thêm máu chiến binh.

Xuân Lộc vùng đất vang danh mà tác giả đã hết lòng chiến đấu để bảo vệ.

*"Tôi nhớ miền Đông, nhớ nắng hiền
Những chiều Xuân Lộc thật bình yên"
(Chiều nhớ Xuân Lộc)*

Những địa danh lịch sử còn hiển hiện trong thơ anh như một chứng tích hào hùng: Chứa Chan, Suối Cát, Dầu Giây, Gia Ray, Long Khánh.

*"Sâu riêng hương vị pha màu nhớ
Suối Cát, Dầu Giây với Bảo Bình"*

Yêu quê hương, Đặng Nguyên cũng không nguôi lòng thương nhớ cố hương, nơi mang nhiều kỷ niệm thơ ấu ngọt ngào. Đó là xứ Huế yêu thương:

*"Mùa mưa này sao nhớ khôn nguôi
Từng hạt rơi, từng giọt khóc đời
Xứ Huế đêm mưa, mưa chẳng dứt
Sông Hương buồn chảy xiết về xuôi"
(Mùa mưa nhớ Huế)*

*"Quê tôi chôn chắt trong lành
Nương chè, rẫy sắn quanh quanh núi đồi"
(Vương vấn tình quê)*

Quả đúng với câu:

“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”

(Nguyễn Du)

Niềm tiếc nhớ bao la về những dòng đời chia biệt khiến tác giả chỉ thấy ngậm ngùi thương về quê mẹ chứ hoa xuân, lời chúc tụng, gió lay lay cũng không làm lòng ấm những tình xuân:

“Cành mai đậu trúc buồn không nói

Hương khói bay qua những nỗi niềm”

(Chiều Xuân)

Xuân đã không vui mà hạ cũng buồn:

“Chờ mong mấy thuở tương phùng nhỉ?

Gặp gỡ, chia ly thoáng chạnh lòng”

(Hạ buồn)

Rồi mùa thu với lá vàng tan tác, sương lam bàng bạc, giẫm lên xác lá đi trong trời buồn, tâm trạng tác giả còn thê thảm hơn:

“Ở đây như thể phương trời khác

Nên nhớ quê hương đến nỗi lòng”

Và Đấng Nguyên đếm thời gian, ngậm ngùi thốt lên:

“Thêm một mùa đời xa cách nữa

Thu ngoài trời hay thu trong lòng!”

(Đi giữa rừng Thu)

Xuân không vui, Hạ buồn, Thu nhớ. Vậy còn mùa Đông thì sao?

Hãy nghe Đấng Nguyên bày tỏ:

“Lạc loài đêm xứ lạnh

*Cô quạnh tuổi già nua
Mang hồn buồn viễn xứ
Thu rơi lá cuối mùa"*

Trong nỗi buồn ấy, thân phận con người được bộc lộ một cách chua chát vô cùng:

*"Bàng hoàng thân tỵ nạn
Mòn mỏi gót giày khua"
(Đêm Đông)*

Đặng Nguyên là một người lính, là một sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hoà. Người lính ấy bỏ quê hương ra đi mà trong trái tim còn đau niềm uất hận, nỗi đau chiến bại vẫn gặm nhấm âm thầm. Chiến bại không vì bất tài mà vì một số phận nghiệt ngã chìm trong vận nước điêu linh. Cứ mỗi tháng tư thì nỗi buồn ấy lại bùng lên trong tâm khảm:

*"Vang vọng hồn quê bát ngát sâu
Sông thương núi nhớ mãi tìm nhau
Lính già thân gửi phương trời lạnh
Cố quốc xa mờ nát ruột đau"
(Buồn tháng tư)*

Nỗi đau ấy còn ray rứt mãi trong hồn người thơ:

*"Tiếng súng Lai Khê... người tuần tiết
Cờ tang rũ xuống, tiễn người đi"
"Người đi để lại buồn man mác
Chiến hữu sa cơ, lao lý đây
Hận uất nghìn thu chưa rửa sạch
Chiều chiều nghe gió gọi, cờ bay..."
(Buồn tháng tư)*

Câu thơ đầy ắp hình ảnh và âm thanh bi tráng làm khơi động lòng người một thuở tang thương. DÒNG MỰC THA HƯƠNG cũng chính là dòng lệ tủi hờn của người chiến sĩ sa cơ, dù phải bỏ quê hương sống cuộc đời lưu vong nhưng vẫn nặng lòng yêu quê, nhớ nước.

*“Huế còn thương cùng sông Hương núi Ngự
Ai chờ ai trên bến đợi chiều xưa
Mùa Thu về rào rạt những cơn mưa
Đêm lặng thẳm, không tiếng chuông Thiên Mụ”
(Chung điệp nhớ)*

DÒNG MỰC THA HƯƠNG cũng còn là dòng lệ tiếc thương những chiến hữu anh hùng đã bỏ mình nơi chiến địa:

*“Nước mất nhà tan, chôn dũng tướng
Đường Mười Ba trận cuối in sâu”*

Và thương cả những tháng năm tù ngục cùng kiếp sống lưu vong của những chiến sĩ sa cơ:

*“Ngục tù Cộng sản, thương thân phận
Hải ngoại lưu vong bạc mái đầu”
(Khóc chiến hữu)*

Như đã nói, trái tim tác giả bao giờ cũng dào dạt những yêu thương, nhưng nhớ:

*“Cách biệt người em từ dạo đó
Chứa Chan còn mãi chứa chan tình
Sầu riêng hương vị pha mùi nhớ...”
(Chiều nhớ Xuân lộc)*

*“Em có còn nguyên tình thuở trước
Phế hưng dời đổi thế thường thôi*

*Vườn quê còn đậm mùa sum trái
Nhớ hái giùm tôi quả chín mùi”
(Hiu hiu cồn cát)*

Nhớ người em Xuân Lộc, Đặng Nguyên cũng không quên người em xứ Huế, nhớ những ngày mưa dầm, mưa chẳng dứt với hình ảnh người xưa áo ướt trong mưa, dìu nhau chiều Vỹ Dạ

*“Mùa mưa nào ướt áo em tôi
Thấm cả bờ vai tóc rối bời
Dìu bước nhau đi chiều Vỹ Dạ
Anh làm thơ, mưa Huế rơi rơi...”
(Mùa mưa nhớ Huế)*

Với một bề ngoài hiền lành, ít nói, có khi tưởng như “lù khù” mà ông bà mình nói chẳng sai “lù khù vác lu mà chạy”.

Không đọc thơ Đặng Nguyên, khó thể nào biết anh là một người đa tình, đa sầu, đa cảm. Nỗi nhớ nhung tràn ngập trong thơ Anh. Nhớ nhung quê cũ, nhớ cả dáng xưa, nhớ giọng nói ngọt ngào của cô gái Huế thân yêu hay của người Huế nào?

*“Dường như Huế mình không quên được
Nghe nói, nghe cười lòng xuyến xao
Đi Bắc, đi Nam đâu chẳng nhớ
Nhưng nghe Huế nói... nhớ làm sao!”*

Thật là một bày tỏ thiết tha mà đơn sơ vô cùng, chân tình hết biết.

Anh nhớ cảnh, lại nhớ người:
*“Ai về đến Dốc Mơ
Hỏi thăm em Gia Kiệm”
(Bao giờ trở lại)*

Tuy nặng lòng yêu thương tưởng nhớ những bóng hồng trong cuộc đời, nhưng có lẽ nỗi nhớ sâu đậm nhất trong hồn Đặng Nguyên vẫn là những đồng đội xưa có thời đã cùng nhau vào sinh ra tử, cùng nhau bảo vệ quê hương, như rừng nhớ biển:

“Rừng âm u nhớ biển

Biển sóng vỗ xôn xao

Nước mắt lòng quặn đau

Nhớ sự đoàn 18”

(Bao giờ trở lại)

Đặng Nguyên sống nặng tình, anh hết lòng yêu thương bạn bè, thân nhân ruột thịt.

Khóc Hoàng Trùng Dương anh viết:

“Đắm lệ mùa Xuân khóc bạn hiền

Thơ tình còn nặng nợ tình riêng”

(Đắm lệ mùa Xuân)

Khi đưa cháu nội bé bỏng qua đời, nỗi đau thương tuôn theo dòng mực:

“Cháu về bên côi Thanh Vân

Nội còn ở lại dương trần khóc mắng

Tâm tư chín khúc ruột bầm

Như mây chuyển thế bỏ vầng trăng côi”

(Khóc cháu nội Tâm Như)

Gánh nỗi đau riêng trong lòng mình chưa đủ, Đặng Nguyên còn thương xót cho nỗi đau của con trai và dâu, cùng chịu cảnh tóc tang:

“Thương yêu để lại bao nhiêu lệ

Cha mẹ mất con luống thẩn thờ”

Và dù “Vẫn biết vô thường xoay chuyển mãi” mà:
“Gan ruột làm sao cứ xót đau”

Khi một chiến hữu qua đời, lòng thương tiếc của anh thể hiện một cách sâu xa:

*“Lẳng lẳng hồn đau, xác cũng đau
Thu vàng lá rụng anh về đâu?”
“Tiễn anh giọt lệ mưa tâm tã
Đốt nén tâm hương tôi nguyện cầu
Sống gửi thác về nương cõi Phật
Tây phương tịnh cảnh, phước dài lâu”
(Khóc chiến hữu)*

Thơ anh hầu hết là buồn. Buồn nhưng không hận oán, không trách hờn dù người bội bạc, dù tình đổi thay. Trái lại, ta tìm thấy những nỗi tình bao dung chung thủy của một trái tim đa cảm nồng nàn:

*“Em ở bên kia tóc nhuộm màu
Anh ở bên này sầu rả rích”
“Thơ chẳng bao giờ em được đọc
Mà sao vẫn nhớ mùa mưa đầu”*

Trong bài “Vô ngôn” ta cũng tìm thấy nỗi lòng thiết tha ấy nhưng tình yêu ở đây nhuộm mùi cay đắng xót xa:

*“Bờ đêm chạm trán tỉnh say
Để buồn réo rắt ru ngày tháng qua
Chạm em, ngờ vực yêu ma
Ngỡ hồn lay động vực sa thác ghềnh”*

Nỗi nhớ thương còn thể hiện rõ ràng hơn, nồng nàn hơn trong bài “Dòng sông biệt tăm”

*“Dòng sông trôi lặng lẽ
Thương nhớ chất chất chồng
Người đi biệt biệt tăm
Bỏ vầng trăng tà xế”*

Thương nhớ thì bao la, đầy ắp: “chất chất chồng”Mà người đi thì: “biệt biệt tăm”, mịt mù xa khuất. Cách diễn đạt thật xuất sắc, thật độc đáo làm nổi bật tính cách đối lập một cách tài tình.

Nhớ thương thì nhiều nhưng tình yêu trong thơ Đặng Nguyên hầu hết là tình sâu, là sinh ly tử biệt.

“Thương một mùa hoa”là một điển hình của sự đau thương, chia cắt vì đất nước loạn ly làm uyên ương gãy cánh:

*“Đâu ngờ chinh chiến làm phiêu bạt
Kẻ ở người đi, bỏ bến không”*

Để rồi:

*“Em tôi khô héo theo giòong lệ
Chết giữa mùa đời mới trở bông”
Và khi trở lại quê xưa, tác giả chỉ còn:
“Buồn bã tôi ôm hoa phượng héo
Phủ lên bia mộ, khóc trong hồn”*

Suốt một chặng đường dài, chúng ta đã trải hồn theo dấu Thơ Đặng Nguyên, cùng chia sẻ những nhớ thương, những đau xót, những ngậm ngùi của DÒNG MỰC THA HƯƠNG, có một điều Lâm Thúy muốn khắc họa lên trong tính cách của nhà thơ này: Điều đáng quý, đáng ngưỡng mộ ở Đặng Nguyên, ngoài đời cũng như trong thi phẩm. Đó là tâm hồn lạc quan, đầy tin yêu dù cuộc đời vui dập dềnh cay tới đâu.

Bài thơ “Xuân Mới”là một bằng chứng:

“Bỗng nhiên thức giấc hồn lau sậy

*Xanh biếc đời Xuân tựa cánh chim
Đậu nhánh mai vàng hương sắc cũ
Lâng lâng giao cảm giữa thiên nhiên”*

Rồi mùa xuân mới dường như cũng thổi vào tâm hồn tác giả những tin yêu mới, làm thay đổi cả nội tạng:

*“Cho ta đào dạt tim gan mới
Xao xuyên từng giờ mạch đất lên
Gấm lụa xa hoa vô nghĩa cả
Vì em ngà ngọc mộng hư huyền”*

Và mùa xuân chuyển hoá tâm hồn tác giả, mang đến những đắm say huyền diệu:

*“Xuân đến lòng ta Xuân mới đến
Ru em tình tự mãi say mềm”*

Tính cách lạc quan ấy cũng dễ dàng tìm thấy trong một số bài thơ khác của Đăng Nguyên:

*“Vào Xuân bỏ lại chiều đông giá
Bỏ lại đằng sau những úa tàn
Như thể tình người tươi thắm lại
Nỗi buồn xưa cũ chẳng vương mang”
(Vào Xuân)*

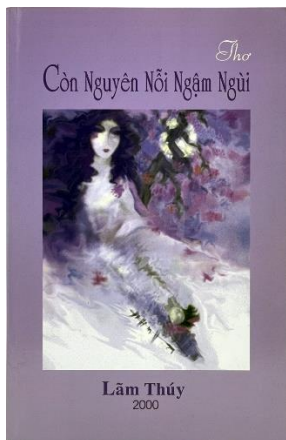
Chúng ta đã đi qua suốt chiều dài của DÒNG MỰC THA HƯƠNG, đã dừng lại những nơi chốn ngậm ngùi thương nhớ, đã bồi hồi cùng nỗi nhớ tiếc khôn nguôi một quê hương xa vơi; hẳn quý độc giả sẽ không phản đối khi Lâm Thúy kết luận rằng DÒNG MỰC THA HƯƠNG là một tập thơ tình_ Bao gồm nghĩa rộng rãi của tình yêu: yêu người, yêu nước, yêu quê hương ; và là một tập thơ hay.

Cái hay của thơ Đăng Nguyên là tình ý chân thành sâu đậm; ngôn ngữ đơn sơ, không kiểu cách, không màu mè mà vẫn đầy tính nghệ thuật, nhiều hình ảnh, âm thanh, màu sắc gợi cảm, nhiều điệp ngữ cùng những mỹ từ pháp làm đẹp thêm câu thơ, dễ đi vào lòng người đọc.

Có thể nói DÒNG MỰC THA HƯƠNG là một tập thơ hay, có giá trị cả nội dung và nghệ thuật đáng đọc và đáng giữ gìn trong tủ sách của người Việt lưu vong, những ai còn hướng về quê nhà xa xôi bằng cả trái tim thiết tha hoài vọng.

7/2015

Lâm Thúy



Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi

thơ Lâm Thúy
xuất bản: 2000

liên lạc: Lâm Thúy

VÀI CẢM NGHĨ KHI ĐỌC THƠ QUỐC HUNG

Như ta đã biết, thi sĩ Quốc Hung sinh ở Thừa Thiên (Huế)

và lớn lên sống ở Đà Nẵng. Cả hai nơi – Một Thần Kinh, một địa linh nhân kiệt – đã hun đúc nên tâm hồn một nhà thơ mãi cảm bằng khí thiêng sông núi.

Thật khó có một cái nhìn tổng thể về thơ Quốc Hung mà không khỏi thiếu sót, bởi thơ ông mang nhiều sắc thái trái ngược, khi hùng hồn khí phách, khi loi là đa tình, khi ngậm ngùi chua xót, lúc say đắm nồng nàn.

Tuy nhiên, có một điều ta dễ dàng nhìn thấy, cảm thấy là thơ ông trải dài theo cuộc sống từ tình yêu cá nhân đến tình gia đình, tổ quốc và nhân loại.

Trong tình yêu nam nữ, thi nhân tôn thờ cái đẹp nhưng lại muốn chiếm lĩnh và sở hữu nhan sắc.

Thơ ông thật tình tứ:

*“Nhớ ngón tay em mát lạnh người
Mơn man trên sống, nhột anh cười
Giận hờn em rút tay mình lại
Xin lỗi, anh xoay ấm lấy người”
(Nhớ ngón tay em)*

Cũng có khi thơ nồng nàn ân ái và hơi ... quá sexy:

*“Nhè nhẹ làm em rợn cả người
Lần đầu ngất lịm chiếm hồn tôi
Dù cho sóng vỗ, cuồng phong vũ
Em vẫn cùng anh đến rã rời...”*

Hoặc:

“Xiêm áo em đâu? Gió cuốn rồi!”

Hay:

“Cho đến tận đêm cuộc mới thôi”

Bởi yêu cái đẹp nên có khi câu thơ êm đềm bóng bẩy mà ẩn chứa những đam mê nồng thắm. Đó là khi tác giả miêu tả nhan sắc người mình yêu dấu:

*“Làn môi em mọng như hoa nở
Mái tóc buông lơ lửng sóng hành”*

Vẻ đẹp ấy từ nét người đến âm sắc, làm tâm hồn thi nhân chơi vơi như gặp Hằng Nga trên Nguyệt điện, vô cùng đắm đuối say mê.

*“Diễm nét đoan trang giọng yến oanh
Em đang tắm suối mộng xuân tình
Anh đà xếp gọn hành trang nhỏ
Cho chuyển du hành đến nguyệt tinh”
(Bức tranh)*

Nhiều hình ảnh gợi cảm, màu sắc nổi bật trong thơ ông, như hình ảnh cô tưới ớt:

“Vườn ớt nhà ai xanh mượt mà

*Lòng thông trái đỏ, trắng đơm hoa
Oì cô gánh nước, chèn trong luống
Quần ống xắn cao, nước sáng lòe*

Cái hay của nhà thơ là để ta tưởng tượng ra chẳng biết cô gái đội nước cho ớt, nước sáng lòe tung toé, hay là đôi chân nồn nà xắn cao đã làm sáng thêm cho nước: “Sáng lòe”

Trong một bài thơ khác: “Quê anh và quê em” ta tìm thấy cả một trời tình lãng mạn. Cái lãng mạn của quê anh không những là cảnh đẹp, nên thơ.

“Hoa lá xanh tươi khắp bốn mùa”

Mà cả muông chim, muông thú cũng kêu hú bạn tình, chiu chít reo vui.

*“Có thú muôn loài kêu hú bạn
Có chim chiu chít lúc chiều tan”*

Cái cảnh chiều tàn, muông thú kêu hú bạn về đàn, chim kêu chim về tổ sao không khiến lòng người xao xuyến, băng khuâng.

Nếu trong ca dao Việt Nam có:

*“Rượu nằm trong nhạo chờ nem
Anh nằm phòng vắng chờ em một mình”*

đã lãng mạn và gọi tình, thì tác giả càng lãng mạn hơn khi:

“Anh nằm nghe tiếng bước em sang”

và gởi chẵn hạnh phúc là:

*“Nệm ấm đan bằng hoa lá rụng
Nằm lên, em là một thiên thần”*

Rồi chàng đốt lửa hồng lên, nhìn cho rõ dung nhan ngà ngọc:

*"Anh đốt lửa hồng soi nét ngọc
Bên ngoài đang thể một mùa đông."*

Ồi! Còn gì ấm cúng hơn khi bên ngoài là giá rét, bên trong là bếp lửa hồng và trái tim nồng cháy yêu đương.

Cũng có nhiều khi câu thơ trở nên ngây thơ, nũng nịu như trong bài "Thu Vàng"

*"Cây cỏ vờn nhau kêu với bạn
Thu về em thấy lá vàng chưa?
chị ơi, em khóc như mưa ấy
Một lá cưu mang lại, chẳng chừa."*

Rồi tình yêu có khi mang lại niềm nhớ nhung đau xót khi xa cách làm cho thi nhân phải thốt lên:

*"Em đi để lại niềm thương nhớ
Rượu đã đôi bình ta chẳng say"*

Tình yêu, không phải lúc nào cũng nên thơ, cũng đẹp. Có khi, nó chỉ là niềm nhớ tiếc muôn đời.

*"Chẳng phải duyên mình bội bạc nhau
Trời cao chẳng muốn bắc ngang cầu
Em như sao lạc vào đêm tối
Anh đợi trời xanh đến bạc đầu."
(Nhớ Thảo Cẩm Viên)*

Câu thơ nghe vừa thiết tha, vừa buồn ngủi, xa cách mà thủy chung.

Một khía cạnh khác trong thơ Quốc Hưng là lòng lạc quan yêu đời, dù trong cảnh trái ngang, cay đắng, ông luôn có lòng tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng.

Dù:

"Hoa rơi nhăm sa mạc"

Bị dập vùi bởi gió cát thời gian”

Vẫn thấy:

“Bờ đại dương chuyển dần từng nhịp thở

Cây trên rừng đã kết trái đơm hoa

Và muôn chim reo hót tiếng hoan ca

Ta ngây ngất trước bình minh rạng rỡ”

(Mạch Thời gian)

Cũng thế, cũng trái tim nồng nàn yêu đời, “Xuân Canh Ngọ 90” là những hình ảnh tươi vui, xinh đẹp:

“Trâm hương nghi ngút trên bàn tổ

Mấy nụ hồng Xuân chớm nở rồi”

Và đẹp nhất vẫn là những nàng Xuân xinh thắm:

“Hoa biển Nàng Xuân đẹp tuyệt vời

Áo xanh, áo đỏ má hồng tươi

Ngoài hiên lữ lượt bao nàng đến

Như ánh hào quang tỏa sáng ngời”

Hình ảnh trong “Hành Xuân 90” cũng đầy niềm lạc quan.

“Đôi én từ đâu lướt giữa trời

Hai làn khói bạc, lững lờ trôi

Ngoài kia biên giới hoa thắm nở

Trên bến Hàn giang ánh nguyệt cười”

Câu thơ sống động, lạc quan và hình ảnh thật đẹp, thật nên thơ.

Trong bài khác “Xuân Kỷ Ty” cũng thế:

“Có một cảnh hoa Xuân thật tươi

Trong hoa lại thấy mắt em cười

Sương sa vài hạt trên cành thắm

Mỗi độ Xuân về hoa mãi tươi”

Ngần ấy câu thơ, đủ để ta kết luận về tâm hồn tác giả, một tâm hồn rộng mở, luôn yêu đời dù trong cảnh đắng cay và thơ Xuân rất là... Xuân, rất tràn ngập Xuân tình.

Đặc biệt, có một người phụ nữ mà bất cứ trong hoàn cảnh nào, say đắm với ai, lòng thi nhân cũng không nguôi tha thiết. Đó là Mẹ. Tình yêu ông dành cho người sinh thành ra mình thật thấm đượm, thiết tha:

*“Ngàn năm nhớ mãi dáng mẹ cười
Xuân này chúc mẹ mãi vui tươi
Hoa râm đã điểm trên gùi tóc
Da dẻ nhăn nheo với tuổi người”*

Có lẽ chúng ta sẽ không sai, khi nói rằng thi nhân là một đứa con hiếu thảo, thử nghe ông nói với mẹ bằng lời lẽ êm ái thương yêu:

*“Xuân này con chẳng có gì đâu
Ngoài một tình thương mẹ gởi đâu
Vài cánh hoa hồng con kính tặng
Mẹ cười, sao mắt lại rơi châu?*

Có phải chăng đó là nước mắt tao phùng, nước mắt hạnh phúc?

Tình yêu sâu đậm thi nhân dành cho mẹ được thể hiện qua rất nhiều bài thơ khác nữa. Hình ảnh người mẹ quê mùa, tất tả, tảo tần cực khổ, một đời hy sinh tận tụy cho con được tỏ rõ bằng những câu thơ ngọt ngào, trong đó nổi rõ cái nhìn thông minh, sáng suốt của người mẹ, luôn hướng con mình tới cảnh sống cao đẹp hơn, lương thiện hơn, thoát cảnh cơ hàn vất vả chốn thôn làng.

*“Con lớn bằng miếng cơm nhai nhuyễn nhe
Mẹ móm vào bằng tất cả thương yêu*

*Mẹ nương con như nương sợi dây điều
Sợ át gió hay nắng chiều rã rời."*

(Tạ Mẹ)

Người mẹ cao đẹp ấy, như hầu hết những người mẹ Việt Nam. Một lòng cúc cung tận tụy, hiến cả đời mình cho những đứa con yêu, để rồi:

*"Con lớn dần mắt mẹ mờ, da cỗi
Suốt đời người cán thép để thành cơm"*

Câu thơ đủ nói lên tất cả sự khó khăn, gian khổ của người mẹ. Còn khó nào hơn cán thép cứng để mềm ra thành hạt gạo nuôi con. Cách diễn đạt mạnh, sắc và cụ thể vô cùng!

Cái ước vọng:

*"Mong con mình noi theo gương Phù Đổng
Muốn nên người hãy cưỡi ngựa, cầm cương"*

Ước vọng tha thiết đó, tấm lòng tận tụy đó của người mẹ đã nâng tác giả lên thành người hữu dụng giữa cuộc đời.

Và câu thơ "Trong ảo giác con hoài thương mẹ lắm" là một tỏ bày thấm thiết, chân thành. Tình thương ấy thấm đậm vào tâm hồn nhà thơ, cả trong ảo giác cũng luôn nồng nàn, ấm cúng.

Lớn rộng hơn là nỗi quan hoài thế sự.

*"Nguyên sơ vạn cổ hài nhiên sự
Lắm kẻ vô tâm lại muốn dim!"*

Tâm hồn thi sĩ là một tâm hồn nhạy cảm, yêu cái đẹp, ghét đao binh, ghét bạo tàn. Điều đó thể hiện khắp nơi trong các bài thơ, đặc biệt là bài "Cánh đồng hoang"

*"Những cánh đồng hoang lại trở bông
Xương khô thành cát, máu thành sông"*

*Đường guom vô loại, dừng tay nhé
Hãy cầm lên đây những đóa hồng”*

Niềm quan tâm cho nhân loại còn tìm thấy qua bài thơ: **“Quả tim và tình nhân loại”**

*“Bảo vệ làm sao được chúng sinh
Khi chưa chấm dứt cảnh đao binh
Hãy đem nhân loại ngồi chung lại
Và kết cho nhau một môi tình”*

Chính bởi lòng nhân hậu, yêu thương cả chúng sinh, tác giả đã bày tỏ một quan niệm sống rất minh bạch, công bằng:

*“Bất phân thượng hạ, sang giàu
Trọng nhau vì nghĩa, quý nhau vì tình”*

Tuy như trên đã nói, tác giả rất lạc quan yêu đời, nhưng có khi thơ ông cũng u hoài thế sự. Đó là khi nhìn cảnh nước mất nhà tan, quan quân bế tắc.

*“Đột biến quân quan hết vẫy vùng
Canh bạc chiến lược xáo lung tung
Trường sơn một dãy trong vây hãm
Chiến sự lây lan khắp bốn vùng”*

Đoàn quân bị vây hãm, chiến sự lây lan, để rồi kết quả thảm hại đã xảy ra: Tan hàng. Ông đã tiên đoán được điều đó trong xao xác của đám tàn binh.

*“Đừng nói cùng ai những nỗi đau
Tang thương chở nặng lấm con tàu
Những tâm hồn loạn đi trong gió
Biết đến bao giờ mới gặp nhau!”*

Một cách nhẹ nhàng mà thâm thúy, ông đã bày tỏ nỗi đau xót của mình trong cuộc biến đau:

*“Có một mùa hoa chết dưới Xuân
Con tôi mất hết nghĩa kinh luân
Vườn hoa chưa thấm sao đã héo?”*

Mùa Xuân là mùa của tươi thắm, ngàn hoa khoe sắc, vậy mà hoa chết dưới Xuân. Hoa chưa thấm đã héo tàn, tuổi trẻ bị thui chột trong cuộc đời. Cách so sánh khéo léo, đầy ẩn dụ, mình định một thái độ chính trị rõ rệt, một nhân sinh quan đúng đắn.

Ngay từ đầu tập thơ, ta đã thấy ngay tính cách khiêm cung của tác giả.

“Mê thơ mà chẳng biết làm thơ”

Theo thiên ý của người viết bài này: Chỉ cần yêu thơ, thế là đủ, mà mê thơ thì còn say đắm hơn yêu.

Biết làm thơ, biết gieo vần, giữ nhịp, biết chọn lọc từ ngữ, biết cách làm đẹp ngôn ngữ nhưng không yêu thơ, không say đắm với thơ thì hăng thơ cũng vô hồn, không lôi cuốn được ai, thiếu phần hấp dẫn, độc đáo.

Nói chung là vậy, còn nói riêng, thơ Quốc Hưng, dù khi bóng bảy, nên thơ, đầy màu sắc như:

*“Trước ngõ trắng cài hoa cỏ biếc
Bên bờ liễu rủ cánh bèo dâng”
(Thế giới của mẹ tôi)*

Hay chất phác, bình dân như:

“Ra vào ý mẹ muốn hăm he”

Hay

“Chiều về hoa bướm rợp hàng me

*Sóng sánh đôi vai tay cặp kè”
(Nhớ một lối về)*

Vẫn cho người đọc cái cảm tưởng chân thành về tác giả.

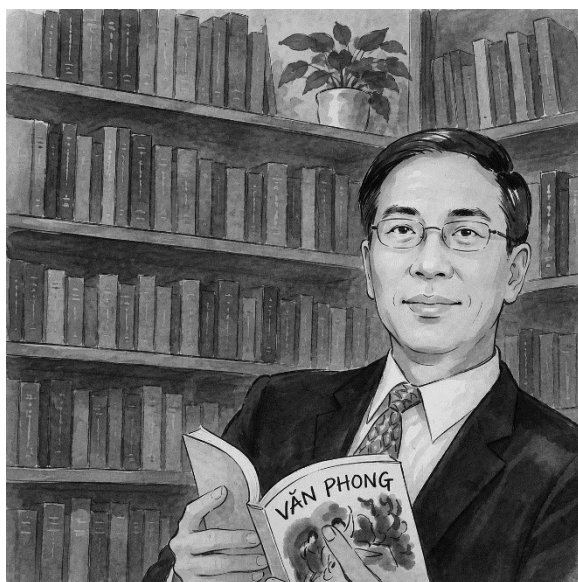
Tóm lại, tập thơ trải dài cả đời người, có vui buồn thế sự, có yêu đương say đắm, có cay đắng ngậm ngùi, khi ca ngợi cảnh đẹp quê hương (Cầu Thăng Long, Vịnh Hạ Long, quê anh, quê em, thế giới của mẹ, ...) Khi ngưỡng mộ những văn minh, tiện nghi xứ người, nhưng bao giờ cũng toát lên sự chân thành của một tâm hồn bộc trực và nổi bật nhất là tấm lòng lạc quan của tác giả yêu người, yêu đời, yêu tổ quốc, nhân loại.

Hãy đi vào thế giới thơ của Quốc Hưng – muôn màu muôn vẻ.

Lãm Thúy - 21-02-2012

LÃM THÚY,
TIẾNG THƠ NAM BỘ CHÍ TÌNH,
THIỆT THA, MỘC MẠC VÀ SÂU SẮC

NGUYỄN MINH NỮ



Tác giả Lâm Thúy xuất bản tập thơ đầu tay: Còn Nguyên Nỗi

Ngậm Ngùi năm 2004. Tập thơ được đón nhận với lòng trân quý của người đọc từ khắp nơi. Nhà văn Phạm Văn Nhân đã viết về thơ Lâm Thúy trên trang web Vanchuongviet.org:

"Ở trang sau của bìa sách, tác giả ghi vài dòng tiểu sử thật giản dị nhưng cũng đủ để cho người đọc biết được một phần đời của tác giả."

Sinh tại Nhơn Ái, Phong Điền, Cần Thơ. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Cần thơ. Định cư tại Mỹ năm 1992.

Đó là những gì tôi đọc được trong “lời ngỏ” của thi tập. Nhưng, càng đi sâu vào những trang thơ của tập thơ, có lẽ đây cũng chỉ là những lời “khiêm tốn” đáng trân trọng của một nhà thơ nữ, có lẽ mới in tập thơ đầu tay này?

... “Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi” của Lãm Thúy thì chưa có bài thơ nào làm tôi chán, khi đọc.”

Khi đó, tôi chưa quen với Lãm Thúy, chỉ là một tình cờ qua người bạn giới thiệu có được tập thơ trước khi chính thức phát hành, và được đọc những dòng thơ trữ tình, chân thực và cuốn hút trong tập, thực lòng đã cảm thấy thú vị và trân trọng. Cái cảm giác nhà văn Phạm Văn Nhân ghi nhận là chính xác, lời ngỏ của tác giả chỉ là những lời nói khiêm tốn. Thực ra thơ Lãm Thúy không phải là những lời “...nghĩ sao viết vậy, không sửa đổi, không trau chuốt; vì thế chắc là thiếu phần tinh xảo và đặc sắc...” mà ngược lại, chính cái nghĩ sao viết vậy không sửa đổi không trau chuốt lại là yếu tố làm cho câu thơ tinh xảo và đặc sắc.

Tôi không còn nhớ trọn bài thơ này, nhưng hai câu đầu bài thơ này làm tôi cảm thấy sùng sốt và bất ngờ:

“Sáng nay thức dậy hết hồn...

Người xa ta vạn dặm đường còn đâu”

Trong hai câu thơ này, cái bàng hoàng đầu tiên là cái bàng hoàng của tác giả, cảm xúc bất ngờ hụt hẫng đã thốt ra lời tự thán, thứ hai là cái bàng hoàng của người đọc, một câu nói thẳng thốt bình dị mà ai cũng có thể từng nghe từ người miền Nam, thế mà khi vào trong thơ nó lại long lanh như hạt ngọc. Cảm giác đó làm tôi yêu thích và gần gũi với thơ Lãm Thúy cho tới bây giờ. Là mình chứng rõ rệt. Câu nói thẳng thốt, rất Nam Bộ, tưởng như chỉ là lời

than thường nhật, nhưng khi vào thơ lại trở nên lung linh, tạo nên hiệu ứng thẩm mỹ mạnh mẽ.

Đây là đặc điểm nổi bật của thơ Lãm Thúy: cảm xúc nguyên sơ được giữ nguyên vẹn, không bị lý trí can thiệp, tạo nên sự đồng cảm trực tiếp với người đọc.

Tập thơ đầu, dường như Lãm Thúy làm cho tình yêu và nỗi thương nhớ vô bờ về một vùng đất đã rời xa. Phong Điền Cần Thơ nơi nước ngọt cây lành thiên nhiên phong phú và tình người chứa chan.

Cho tới sau này, khi gặp, chuyện trò kết thân như hai người bạn lại càng trân quý hơn nữa tư cách sống và lối giao tiếp trữ tình, nhẹ nhàng chân thành của người Nam Bộ dành cho tất cả bạn hữu văn chương.

Tháng 10.2014, nhà thơ Lãm Thúy tổ chức ra mắt sách và giới thiệu tới người đọc hai tập thơ dày. Tập Từ Mẫu (432 trang với 203 bài thơ), và tập Thâm Tình (284 trang với 148 bài thơ).

Đây là lần thứ hai ra mắt thơ của Lãm Thúy. Lần trước cách đây 10 năm, Lãm Thúy đã giới thiệu tác phẩm đầu tay "Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi". Ở lần thứ hai này, mọi người đều có cảm giác choáng và ngợp trước sức làm việc, lòng yêu thơ của Lãm Thúy. 10 năm cho một hành trình làm thơ, sinh hoạt cộng đồng (có giai đoạn đảm nhận Chủ tịch Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ) Cho đến nay, Lãm Thúy đã viết trên ngàn bài thơ. Trong đó nhiều thể loại từ Ngũ ngôn, Thất ngôn, Lục Bát, đa số là Lục Bát một thể thơ đặc dị Việt Nam và một đề tài xúc động Tình Mẫu Tử. Của con đối với Mẹ và của Mẹ đối với con.

Tập Từ Mẫu với 203 bài thơ về Mẹ. Người mà thời cuộc Lãm Thúy đã phải tạm rời xa khi lên đường lưu vong và chỉ kịp trở về trước ngày tang lễ.

Một trong những đóng góp quan trọng nhất của Lãm Thúy là mảng thơ viết về tình mẫu tử.

Bà rời quê hương trong biến động thời cuộc, mang theo nỗi nhớ mẹ khôn nguôi, và chỉ kịp trở về trước ngày mẹ qua đời. Nỗi đau ấy trở thành chất liệu cho những câu thơ nghẹn ngào:

Một bài thơ ghi nhận cả một đời kính nhớ dành cho Mẹ Hiền, Mỏ đầu bằng bằng tưởng nhớ ngày tạm chia xa ngò đầu lần cuối để rồi vĩnh biệt:

*Con nhớ lần ly biệt cuối cùng
Đò dọc neo chờ ở bến sông
Mẹ ngồi một góc nhà hiu quạnh
Không khóc mà thương cảm lạ lùng!*

Để rồi:

*Mười năm qua vội như chiêm bao
Mẹ bỏ con đi tự tôi nào
Ôi! Chuyển phà đêm về chỗ xác
Còn mãi trong tim nỗi nghẹn ngào.*

Khi dự buổi ra mắt tập thơ của Lãm Thúy, họa sĩ Đinh Cường đã xúc động viết:

"Với tôi ai yêu thương Mẹ là anh hùng chiều với Từ Mẫu, nhà thơ Lãm Thúy là anh hùng thôi, cô con gái út lên giới thiệu Mẹ thật là hay, Cảm động thấy nhà thơ đứng bên hai cháu ngoại nay đã lớn từ ngày người con gái đầu mất.

Cảm ơn mái tóc còn xõa dài mượt mà của người thi sĩ vẫn luôn yêu màu tím tôi nhìn cả ra con sông Tiên, Sông Hậu Những chuyến phà qua, lục bình trôi..."

Còn nhà thơ Phạm Cao Hoàng thì cho rằng MẸ OI VĨNH BIỆT của Lãm Thúy là một trong số những bài thơ hay nhất viết về mẹ. Và câu thơ Phạm Cao Hoàng đặc biệt chú ý lại chính là một câu thơ

viết chân chất nhất, viết lại những gì chính mắt nhìn thấy "Nghĩ sao viết vậy, không sửa đổi không trau chuốt":

Thân xác vùi trong lòng đất

Mẹ nằm giữa một đôi hoa

Mẹ ơi, mộ vừa mới lấp

Từ đây đất lạnh là nhà

Thơ Lãm Thúy hay và lạ.

Hay vì ý thơ chân thành, lời thơ tha thiết, nhạc thơ dịu dặt. Cái chau chuốt trong thơ Lãm Thúy không phải chỉ là cách dùng chữ rất bình dị tưởng như lời nói tự nhiên, mà thực ra là lựa chọn ngôn từ quen thuộc nhất để diễn tả những điều sâu thẳm trong hồn, mà còn là cách diễn đạt tinh tế chuyển biến của dòng thơ. Thơ Lãm Thúy sử dụng ngôn ngữ đời thường, gần với khẩu ngữ Nam Bộ. Tuy nhiên, sự giản dị này không phải là sự đơn sơ, mà là một mỹ học của sự chân thật.

Bà chọn những từ ngữ quen thuộc nhất để diễn tả những cảm xúc sâu thẳm nhất — một lựa chọn đòi hỏi sự tinh tế và bản lĩnh nghệ thuật.

Xin hãy đọc nho nhỏ một bài thơ của Lãm Thúy:

Cây buồn từ thửa chim bay

Rừng buồn thửa lá rụng đây sườn non

Cha buồn theo nắng hoàng hôn

Mẹ buồn từ thửa lũ con chia bầy

Hoa buồn từ thửa hương phai

Con buồn từ thửa cha gầy mẹ đau

Con buồn từ thửa xa nhau

Chân trời góc bể địa cầu chia hai...

Nỗi buồn của Lãm Thúy theo dòng thơ đã đưa phong cảnh cô tịch, qua con người cô liêu, về tới suy nghiệm cô đơn và về dần tới cô độc...

Lạ là ở chỗ những đề tài Lãm Thúy viết là những rung động quen thuộc với mọi người làm thơ như: Tình mẹ với con, tình con với mẹ, tình cha, tình anh chị em, tình bằng hữu, tình vợ chồng..., thế mà những dòng thơ viết xuống lại là những cảm nhận sâu xa ghi nhận từ những tình huống bất ngờ, cái nhìn về một sự kiện giản đơn, bỗng long lanh thơ hóa:

*Bây giờ mẹ đã không còn
Con về bến cũ nghe hồn nát tan
Bến sông, một côi thiên đàng
Lê chân viễn xứ hồn quan san về....*

hay:

*Mẹ không hề biết đêm hôm ấy
Trăng ở nơi đâu lúc mẹ về
Chỉ biết, sau này, ngồi nhớ lại
Trăng tròn mười sáu, lúc con đi..*

Hay những bài thơ thương nhớ người con gái lìa trần giữa tuổi thanh xuân mà Lãm Thúy viết trong bài thơ Buồn Sinh Nhật Cũ:

*Hôm nay sinh nhật con rồi đó
Hết cộng thêm đời tuổi hưởng dương
Mẹ đứng bên đây trời tiếc nuôi
Cố nén lòng, sao lệ cứ tuôn.*

Thơ của Lãm Thúy, từ thi tập đầu "*Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi*" hay sau này hai tập thơ nữa là *Từ Mẫu* và *Thâm Tình* đều mang chung một nét chí tình. Thiết tha với nỗi nhớ thương, sâu sắc với lòng yêu mến và tinh chất mộc mạc có vẻ như nghĩ gì viết thế

mà thật ra là chắt lọc từng lời, chọn lựa từng ý để đưa thơ mình vào rung cảm người đọc người nghe. Suy tưởng của Lãm Thúy về cuộc đời, về tình yêu là những khám phá sâu lắng từ trong một tâm hồn nhạy cảm, khát khao yêu đời sống và yêu con người. Những khám phá đó được Lãm Thúy đưa vào thơ, và Lãm Thúy đã thành công vì Lãm Thúy đã chuyển được cảm xúc của mình vào lòng người đọc.

Trong bối cảnh thơ Việt hải ngoại, nơi giọng Bắc – Trung chiếm ưu thế, sự xuất hiện của một giọng thơ Nam Bộ chân chất, giàu tình cảm như Lãm Thúy là một đóng góp quan trọng cho sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ.

Từ *Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi* đến *Từ Mẫu* và *Thâm Tình*, thơ Lãm Thúy luôn mang một nét chung: *chí tình, thiết tha, mộc mạc mà sâu sắc*.

Bà viết như “nghĩ sao viết vậy”, nhưng thực chất là chắt lọc cảm xúc, giữ lại những gì chân thật nhất của tâm hồn.

Nhờ đó, thơ Lãm Thúy không chỉ để đọc, mà để cảm, để lắng lại, để đồng vọng.

Với giọng thơ Nam Bộ đặc trưng, với mảng thơ mẫu tử giàu xúc động, và với sự bền bỉ sáng tác hiếm có, Lãm Thúy xứng đáng được xem là một trong những tiếng thơ nữ quan trọng của văn học Việt hải ngoại đương đại.

CÓ BAO GIỜ...

HOÀNG DUNG DC



Có bao giờ bạn được con gái

mình nói về mình ở giữa đám đông chưa?

Nếu chưa, thì hãy cầu mong. Nếu có thì đó là một phúc ân diễm kiều mà ông Trời đã ban cho bạn đấy.

Chủ Nhật 26 tháng mười 2014, tại vùng Đông Bắc Hoa Kỳ nói rõ hơn là vùng Virginia, có quá nhiều chương trình cho cộng đồng người Việt tham hồ chọn lựa. Chính xác là năm chương trình.

Tuy nhiên ngồi trong công viên Mason District để cùng “Nói Với Mùa Thu” là một chọn lựa tuyệt nhất.

Sau mấy ngày mưa rào, trời đất âm u, hôm nay bỗng nắng vàng rực rỡ. Những tia nắng chói chang, chiếu lên từng ngọn cây, xuyên qua những chiếc lá đỏ rực, vàng óng, tím ngắt, rọi thẳng đến sân khấu, nơi đang có những bạn yêu nhạc say sưa ca hát. Những mái đầu bạc màu, hay vẫn còn xanh tươi, đang má tựa kê vai, nhàn nhả ngồi trên những băng ghế của công viên, chăm chú theo dõi, để cùng thưởng thức, không những thế lại cùng say sưa hát theo, những nhạc phẩm quen thuộc, được chọn lọc như “Autumn Leaves”, rồi ngân nga “Tiết Thu”, rồi nhẹ nhàng trách cứ “Anh Đã Quên Mùa Thu”. Có cả một “giọng vĩ cầm” cao vút của Samuel Park, một tài năng trẻ người Đại Hàn qua nhạc phẩm Crystallize

của Lindsey Sterling. Người nghe cảm thấy như có cả ngàn tia nắng chiếu vào một khối “Thủy Tinh” thật to ngập tràn muôn màu muôn sắc, khiến lòng ta cứ rung theo từng nhịp điệu. Và... mọi người lại cùng lắc lư ngả nghiêng với những nhịp điệu nhẹ nhàng của “Thu Vàng”... Thật là một “Chiều Thu” êm ả.

Thế rồi, gần ấy người với tâm trạng lâng lâng của một buổi chiều “Thu Quyến Rũ”, đã cùng rủ nhau qua một nơi khác, đầy hứa hẹn, Providence Center, nơi đã có khá nhiều thân hữu yêu văn thơ chờ đợi buổi khai mạc giới thiệu hai tuyển tập thơ “Tù Mẫu” và “Thâm Tình” của nhà thơ Lâm Thúy.

Số người tham dự đông đến bất ngờ. Ngoài dự định của tác giả, nhưng trong dự định của ban tổ chức, là nhà thơ và phu nhân Nhất Hùng. Một uy tín khá dĩ, một tấm lòng được nhiều hội đoàn và thân hữu ủng hộ. Hai trăm ghế được ngồi kín, một số đông không có chỗ ngồi thông cảm tươi cười đứng quanh.

Thế mới biết rằng cứ hết lòng với mọi người, cứ cho đi rồi có một lúc nào đó sẽ thấy hiệu quả.

Nếu để ý, ở bất cứ hội đoàn, tập thể nào, nơi đâu cần sự tiếp tay là chúng ta sẽ thấy, một người với mái tóc dài đen mượt, một bóng dáng buồn bã, một giọng nói nghẹn ngào, một đôi mắt lệ lúc nào cũng muốn trào dâng, nhưng nụ cười thì lúc nào cũng là một “nụ cười hồng”. Thưa đó là nhà thơ Lâm Thúy. Giá mà chị búi tóc lên, mặc một chiếc áo bà ba, quần lãnh đen, khoác vai một cái khăn rằn. Chúng ta sẽ thấy ngay bóng dáng tha thướt, dịu dàng của một người đàn bà từ thế kỷ trước trong văn chương Hồ Biểu Chánh. Ôi nhớ sao là nhớ hình ảnh một “Tù Mẫu” một mối “Thâm Tình”.

Diễn giả tuyệt nhất của buổi giới thiệu hai tuyển tập Từ Mẫu và Thâm tình, chính là cô con gái của Tác giả Lâm Thúy. Thúy Quỳnh với lời lẽ mộc mạc, đơn giản nhất, với cách phát âm tiếng Việt không chuẩn lắm, em đã có thể làm mọi người rom róm nước mắt

mà lòng thì dâng đầy cảm xúc, và em còn có thể làm mọi người cười oà, khi ngấn lệ còn trên khóe mắt.

Em nói: em không thích nói giữa đám đông, em không nói rành tiếng Việt, em không biết văn chương, em cũng chẳng thích thơ, nhưng em sẽ thực hiện tất cả những cái không thích đó trong ngày hôm nay, vì em đã chính mắt trông thấy nỗi quần quai của mẹ em, mỗi khi có một người thân nào đó qua đời, mỗi khi mòn mỏi trong nỗi nhớ nhà, nhớ cha mẹ, nhớ anh chị em. Những nỗi nghẹn ngào ấy ngày này tháng nọ, cứ chồng chất lên nhau đầy ứ. Tất cả những nỗi niềm khổ khó đó, với không tới, nói không thông, mẹ em cứ khư khư ôm mãi trong lòng, đến nỗi nhiều quá, nó đã tràn ra và đành phải

“Nhấn” trong hai tuyển tập *Thâm Tình và Từ Mẫu*.

Em đã duyên dáng nói rằng: “Sau đây con xin giới thiệu mẹ của con nhà thơ Lãm Thúy”. Mọi người với lòng tràn đầy cảm xúc đã vỗ tay quá chừng. Em còn dám tuyên bố một câu xanh dờn “Ai được mẹ con thương yêu là người đó rất là hên, tuy nhiên đó cũng chỉ là một phần rất nhỏ mà mẹ đã dành cho con” Em cũng nói: “Mẹ cho được ai cái gì mà người ta thích là mẹ mừng lắm. Con chưa thấy ai nhận quà mà không mừng bằng cho người ta”. Thế đấy, một buổi giới thiệu thơ thật đặc biệt.

Tuy nhiên, còn phải nói tới mọi nỗ lực mà mọi người đã dành cho nhà thơ Lãm Thúy. Rất nhiều giọng ca, giọng ngâm, giọng nói, tiếng sáo, ban nhạc sáng giá của vùng Hoa Thịnh Đốn. Tất cả đều sẵn lòng đóng góp cho chương trình của chị, cho dù ngày hôm đó họ phải tiếp tay cho nhiều chương trình khác nữa, như Hiếu Tâm phải chạy đến ba “show”, Hiếu Thuận, Như Hương, Nguyễn Xuân Thương hát xong, ngâm xong là phải vội vàng chạy sang hát cho chương trình của chùa Hoa Nghiêm gây quỹ. Những bài thơ của Lãm Thúy được phổ nhạc hát vang, những câu thơ đặc ý được diễn ngâm thật xuất sắc và cảm động.

Bài thơ chính cũng là động lực mạnh mẽ nhất đã khiến Lâm Thúy thực hiện hai tập thơ Từ Mẫu và Thâm Tình là bài thơ “Buồn Sinh Nhật Cũ”. Những câu thơ trĩu nặng đau buồn dành cho cô con gái lớn, đã sớm từ già cõi đời ở tuổi 30, không những thế còn để lại cho chị hai cháu trai, chỉ mới vài ba tuổi đời. Bài thơ đã được bác sĩ Văn Sơn Trường phổ nhạc và do Như Hương hát cho chúng ta nghe, đã khiến nhiều người rơi lệ.

Lâm Thúy thích màu tím. Thế là cả hội trường toàn màu tím. Banner màu tím. Ai đó đem tới mấy chục quả bong bóng bay màu tím. Chị Hồng Thủy mặc áo dài tím, đi lòng cho được bó hoa hồng màu tím để thân tặng và chúc mừng nhà thơ Lâm Thúy. Mọi hội đoàn, mọi thân hữu, tíu tít tiếp mỗi người hai tay và cả hai chân, chạy tới chạy lui sắp xếp mọi chuyện thật chu đáo.

Chương trình từ 5:30 pm đến 8:30 pm cho nên quan khách hơi đói. Thì lập tức thức ăn, thức uống ề ề. Đã sắp hết giờ trả lại hội trường, vậy mà chẳng mấy ai muốn chia tay. Lần đầu tiên có một buổi ra mắt tập thơ, mà ban tổ chức phải nhắc nhở quan khách “nhớ neo” về sớm kéo...khuya.

Nhà thơ Lâm Thúy đã ký “bán” hai tác phẩm Từ Mẫu và Thâm Tình một nghi. Nụ cười toe toét. Khuôn mặt “rầu rầu” biến mất. Nhà thơ Lâm Thúy nín lấy và rên lên “Hoàng Dung ơi! Hoàng Dung ơi, chị vui mừng quá sức” và mắt lại bắt đầu rom róm.

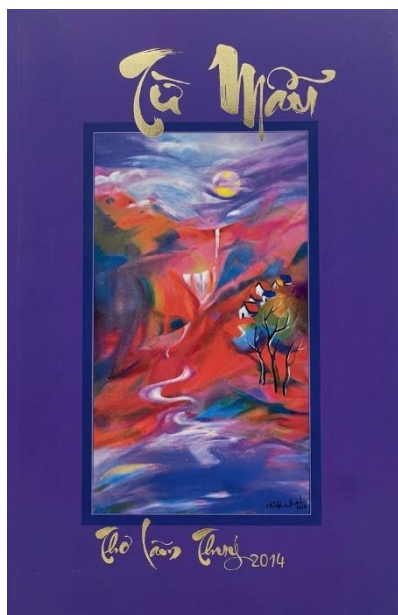
Lâm Thúy vẫn cứ là Lâm Thúy.

Hoàng Dung DC

Mùng 1 tháng 11, 2014

TÌNH MẸ TRONG TẬP THƠ “TỪ MẪU” CỦA LÃM THÚY

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO



T

ập thơ “Từ Mẫu” của Lâm Thúy xuất bản năm 2014. Tập thơ gồm 3 phần. Phần 1 là “Từ Mẫu” gồm 81 bài thơ viết về Mẹ. Phần 2 là “Từ Biệt Trần Thúy Trúc” gồm 102 bài thơ viết cho cô con gái đã qua đời. Phần 3 “Thơ Cho Thúy Quỳnh” gồm 10 bài thơ viết cho cô con gái thứ hai đang sống cạnh mình. Dàn trải bằng bạc trong hơn 400 trang giấy với gần 200 bài thơ Lâm Thúy đã tỏ lộ những tư tưởng thấm nhuần Phật giáo rất sâu đậm.

Trong đạo Phật, vấn đề hiểu đạo luôn luôn được đề cao. Kinh Phật đã ghi rõ: “Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng sanh lang thang trong nẻo luân hồi, bỏ thân này nhận thân khác, sinh đi sinh lại bao

lần, sữa mẹ mà chúng ta đã uống còn nhiều hơn nước trong bốn biển”. Khi nghe lời kinh Phật văng vẳng bên tai: “Cùng tốt điều thiện không gì hơn hiếu. Cùng tốt điều ác không gì hơn bất hiếu” Lãm Thúy tự cảm thấy tội lỗi vì không giữ tròn được chữ hiếu khi phải rời xa Cha Mẹ mình để tha phương lập nghiệp:

*“Nghe kinh Phật dạy sao buồn quá
Con bỏ quê đi: bất hiếu rồi
Để Mẹ chiều quê ngồi tựa cửa
Để Cha mò lệ ngóng phương trời.”*
(Nghe Kinh Phật)

Bồ tát là một vị đang sống trên trái đất với đầy lòng từ bi, giúp đỡ chúng sinh, hướng về Phật quả, vị này xuất hiện trong thế gian dưới nhiều dạng khác nhau để phát nguyện độ thoát cho tất cả chúng sinh cùng thành Phật đạo như mình và sẵn sàng thụ lãnh tất cả mọi đau khổ của chúng sinh cũng như hồi hướng phúc đức mình cho kẻ khác. Nhà thơ thốt lời tri ân Mẹ, tình Mẹ thật cao quý, hình ảnh Mẹ chẳng khác chi một vị Bồ tát đáng được tôn sùng:

*“Nặng nhọc, đắng cay mình gánh vác
Dành phần ngon ngọt để chồng con
Mẹ ơi! Tim Mẹ tim Bồ tát
Nỗi vị tha nào ai sánh hơn?”*
(Từ Mẫu)

Tuy vẫn biết Phật dạy cuộc đời là huyền mộng, là giả tạm, chẳng thường còn, mọi sự vật đều biến đổi theo quy luật vô thường như giọt sương mai long lanh đầu cành sẽ sớm tan trong ánh nắng nhưng sao nhà thơ vẫn không nén nổi nỗi buồn đau trong lòng mình khi nghe tin Mẹ qua đời ở chốn xa xăm quê nhà, dù những dòng thơ được viết giữa mùa Xuân rộn rø:

*“Hình như đời chẳng còn vui nữa
Từ khi Mẹ ngủ giữa vô thường”
(Thơ Xuân Trọng Lệ)*

Cho dù biết rằng tri kiến được cội “Chân như” tức là cội “giác ngộ” tột đỉnh (cái mầm giác ngộ sẵn có trong mỗi chúng sinh) và đã thấu hiểu cảnh giới vĩnh hằng không biến đổi của các bậc Thánh nhưng khi thực sự mất Mẹ nhà thơ vẫn cảm thấy cuộc đời mình thật trống vắng hoang mang:

*“Mẹ đi lạc cội vô thường
Lũ con ngơ ngác giữa đường trần ai”
(Nói Sao Cho Cạn Hết Tình)
“Mẹ đi về cội Chân Như
Bỏ con đứng lại hoang vu lạc loài”
(Sợ Ngày Mẹ Bỏ Con Đi)*

Từ bi là đức hạnh chính của đạo Phật và cũng là cơ sở tâm lý của một vị Bồ Tát. Đức tính này được biểu hiện qua lời nguyện cứu độ tất cả chúng sinh thoát khỏi luân hồi. Tấm lòng từ bi thường tuyệt đối vô phân biệt và vô điều kiện, thương yêu chúng sinh hết mực, không khác gì người mẹ thương yêu con và thông cảm sâu sắc với nỗi khổ của chúng sinh. Với ý nghĩ đó nhà thơ thầm mong ước:

*“Mẹ về tới cội Chân Như
Lòng thương có dứt? Niệm từ bi theo”
(Nhớ 3)*

Kinh sách thường ghi: “Mẹ hiền còn sống là mặt trời giữa trưa chói sáng. Mẹ hiền khuất bóng là mặt trời đã lặn. Mẹ hiền còn sống là mặt trăng sáng tỏ. Mẹ hiền khuất rồi là đêm tối âm u.” Ngay trong mấy tuần lễ đầu mất Mẹ lòng tưởng nhớ Mẹ của nhà thơ đầy thương đau:

*“Thất tuần, Mẹ sẽ về đâu?
Con nghe tiếng gió rầu rầu nữa khuya
Lòng đau thắt nỗi chia lìa
Gió xào xạc, tưởng Mẹ về ghé thăm”
(Khi Mẹ 49 Ngày)*

Hai năm trời trôi qua, nhân mùa Lễ Vu Lan, cài bông hoa hồng trắng lên ngực áo, giữa cảnh chùa trang nghiêm, lòng thương nhớ về Mẹ của nhà thơ vẫn dâng trào tưởng như không bao giờ dứt:

*“Bâng khuâng đứng lại hiên chùa
Mẹ đi thoát đã hai mùa Vu Lan
Kể từ con trắng hoa tang
Đời không vui nữa, cứ mang mang sầu!”
(Chiều Đứng Lại Hiên Chùa)*

-oOo-

Chúng sinh từ vô thủy tới nay xoay chuyển lăn lóc trong vòng sinh tử ở sáu đường (lục đạo) như bánh xe lăn đi đến vô cùng. Hết ở kiếp này, rồi lại sanh vào kiếp khác. Và nếu muốn diệt sự khổ của luân hồi thì trước phải dứt cái nhân “tham sân si”. Vào dịp mẹ của một người bạn qua đời Lãm Thúy cũng thốt ra những lời cầu chúc cho cái khổ luân hồi được chấm dứt, cầu mong đức Phật A Di Đà cứu trợ:

*“Dưới chân tượng Phật, Mẹ về nằm
Ở đó vườn xanh biếc tháng năm*

...

*Cầu người siêu thoát, cầu an lạc
Dẫu chẳng đành nhưng hãy gắng nguôi
Ngươi yên lành ngủ bên chân Phật
Lẽ nào không thoát cảnh luân hồi?*

...

Chung nhau góp lại câu cầu nguyện

A Di. Tiếp dẫn những linh hồn! "
(Mẹ Nằm Dưới Chân Phật)

Nhân ngày Mẹ một người bạn khác qua đời nhà thơ cũng thầm muốn sót chia “nửa gánh ưu phiền” với “nỗi niềm đau thương” trên vai bạn mình. Nhà thơ thầm nguyện:

*“Câu xin Cực Lạc Mẹ đi
Luân hồi chấm dứt. Nẻo về thênh thang...”*
(Trong Ngày Tang Mẹ)

-oOo-

Khi người con gái thân yêu sắp sửa lìa xa cõi trần gian đây hệ lụy, Lâm Thúy cũng nhân dịp này nhắc tới cái nghiệp quả, cái nghiệp đã định sẵn một cách chắc chắn chỗ thọ quả được sướng hoặc chịu khổ, được lành hay chịu dữ trong cảnh luân hồi của chúng sinh:

*“Chẳng biết tiền căn hay nghiệp chướng
Xui đời con lắm nỗi tai ương.”*
(Nghe Gió)

*“Con yếu đuối, tội tình
Định mệnh sao oan nghiệt
Đẩy con vào điêu linh
Ngày mỗi gần nỗi chết.”*
(Trên Bờ Phân Ly)

Nhìn di ảnh của con, nhà thơ một lần nữa cũng lại nhắc tới cái vô thường của cuộc đời con người trong cõi nhân gian khi phải chia lìa con gái sau 30 năm chung sống:

*“Giờ con sương khói vật vờ
Đời người như gió thoảng qua: vô thường”*
(Di Ảnh)

"Mình ta đứng lại ngâm ngùi
Nghe vô thường một kiếp người mong manh!"

(Tương Ngộ)

"Đã hay đời vốn vô thường
Cũng đâu ngờ đến đoạn trường này đây"

(Tệ Hơn Là Chết)

"Người đi. Hoa cũng vô thường
Thân khô. Đứng giữa trời tang thương. Buồn!"

(Đào Hết Ra Hoa)

Với người con gái đã vắn số của mình nhà thơ cũng cầu mong cho con về nơi giác ngộ, về chốn Chân như và vắng sinh Cực lạc, về nơi Phật A Di Đà đang giáo hóa, nơi hoàn toàn chỉ có vui không có khổ:

"Thì thôi, sinh tử, phù du
Mong con tìm chốn Chân Như. Hôn về."

(Câu Nguyện)

"Thắp nén nhang khuya mẹ nguyện cầu:
Con được Vãng sinh về Cực lạc
Thoát khỏi trầm luân. Hết đốn đau."

(Từ Thuở Con Đi)

Niết Bàn là trạng thái tịch tịnh, tịch diệt, mục đích giải thoát cuối cùng của đạo Phật, một trạng thái an tịnh an lạc tuyệt đối không còn bị sinh tử chi phối, không còn bị các phiền não ám ảnh. Kể từ khi người Cha nhấn nút khởi động lò hỏa táng cho đến lúc ôm bình tro cốt của con mang vào chùa thì bà Mẹ luôn thốt lời nguyện cầu cho con:

"Cõi vui chấp cánh.
Niết Bàn dừng chân."

(Cha Nhấn Nút Hỏa Táng)

“Thấp nén nhang khuya, mẹ nguyện cầu:

“Con được vãng sinh về Cực lạc

Thoát khỏi trầm luân. Hết đón đau.”

(Từ Thuở Con Đi)

Nhà thơ Lãm Thúy một lòng tin tưởng vào Phật pháp. Tình kính yêu với người Mẹ, tình yêu thương với con gái luôn luôn được phô bày với tấm lòng của một Phật tử thuần thành:

“Phật. Từ bi lắm, Phật ơi

Nam mô cứu nạn. Đây lời thiết tha!”

(Con Sông Từ Mẫu Đã Ròng)

Thi phẩm “Từ Mẫu” của Lãm Thúy đã được người đọc rất trân quý đúng như ý nguyện của nhà thơ ghi trong phần “Lời Ngỏ” đầu tập sách: “Xin hãy đón nhận, bởi đó là tình từ một trái tim gửi đến những trái tim, hãy cảm thông, bởi đó là hệ lụy của kiếp người, có sinh có diệt, có hợp, có tan... Mong sao những vần thơ này đổ vào tim bạn những tình nồng ấm, để những người con biết thương Cha Mẹ mình hơn...”

Vườn hoa văn học nghệ thuật hải ngoại lại được dịp mở rộng cửa để đón thêm một bông hoa khởi sắc, một thi phẩm ghi dấu ấn mãi sâu đậm trong lòng người đọc!

Tâm Minh Ngô Tằng Giao

(Virginia 12-2014)

ĐỌC BA THI TẬP CỦA LÃM THUÝ

TRẦN MINH HIỀN

*B*a thi tập của nữ thi sĩ Lâm Thuý, mỗi tập mỗi vẻ, mỗi bài

thơ mỗi vẻ nhưng đều tựu trung một nỗi buồn sâu sắc, thánh thiện, hiền lương của thi nhân, của người con khóc Mẹ, của người Mẹ khóc con, của người bạn khóc cho những người bạn. Cầm trên tay ba thi tập xinh xắn, đẹp dễ, trang trọng được chính tác giả viết nắn nót dòng chữ đề tặng tôi (TMH) xúc động vô cùng và đọc từ từ chậm rãi để thưởng thức những nét tài tình của dòng thơ Lâm Thuý. Ba thi tập: Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi (2000), Thâm Tình (2014), Từ Mầu (2014). Trong các thứ tình cảm thiêng liêng của con người thì tình Mẹ Con, Mầu Tử là tình thương màu nhiệm kỳ diệu nhất. Thi sĩ Lâm Thuý đã khóc đưa con gái mất quá sớm của cô và viết lên những dòng thơ đầy nước mắt cũng như đã khóc Mẹ của Lâm Thuý khi Người ra đi vĩnh viễn. Những tấm chân tình của trái tim bao dung độ lượng bao la của thi nhân. Những vần thơ đau buồn nhưng thật đẹp và đem lại cho độc giả những ấn tượng vô biên, không thể xoá nhoà.

Thi tập Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi xuất bản năm 2000 sưu tập lại tất cả những bài thơ của nữ thi sĩ, cô giáo xứ Cần Thơ, trước những cơn bi thương lớn nhất của đời thi sĩ: nỗi đau mất con gái còn trẻ tuổi và nỗi đau mất Từ Mầu, nhưng cô vẫn đã đau thương với nỗi đau của quê hương thống khổ, nỗi đau của người thi sĩ lúc

nào cũng yêu thương nhân loại mọi người và sẵn sàng chia sẻ những nỗi ngậm ngùi của nhân thế. Trong số những bài thơ của thi tập Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi, bài nào cũng đặc sắc nhưng tôi thích nhất là bài Soi Gương Lạ Bóng:

*Chợt soi mình trong gương
Thấy một đời tàn tạ
Mới biết sợ thời gian
Đúng là tàn nhẫn quá!*

*Đêm qua không ngủ được
Buồn đến xót tim gan
Cứ giật mình hoảng hốt
Nhớ bóng người trong gương*

*Cổ nhân lòng tha thiết
Đập gương tìm bóng xưa
Còn ta buồn như chết
Lạ bóng mình. Ngẩn ngơ!*

*Trái tim ta chẳng đổi
Tình nồng như ban đầu
Sao thời gian nở vội
Lấp cả một thành sầu*

*Quay đi rồi ngoảnh lại
Thấy đời tựa chiêm bao
Thời gian như nước chảy
Cuốn đi hết còn đâu!*

*Soi bóng mình đủ chán
Trách chi người không thương*

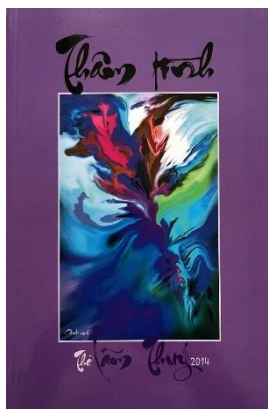
*Lòng phân vân ngao ngán
Đập võ mình hay gương? "*

Theo cá nhân tôi đây là một trong những bài thơ hay nhất vì diễn tả tâm trạng của thi nhân, của nhân loại vừa triết lý kín đáo khéo léo vừa trữ tình sâu sắc. Ít ai sánh bằng.

Tập thơ còn rất nhiều bài khác rất hay, xin mời mọi người tìm đọc để thưởng thức thêm, ví dụ những bài như: Tàn Thu ở đầu tập đã được nhạc sĩ Vĩnh Điện phổ nhạc, Trên Núi Sugar Load (một bài tôi rất mê), Đồi Cối (trang 20), Một Đồi Quanh Quẩn trang 25 gồm 5 bài tứ tuyệt đặc sắc: DỊ, GIÁC, TỊNH, KHÔNG, VÔ và cũng đã được nhạc sĩ Vĩnh Điện phổ nhạc. hay bài tiếp đó Sâu Trong Cối Lạc ... Tôi đặc biệt thích những bài thơ mà thi sĩ Lâm Thuý viết về các tác giả, đọc các tác giả như Du Tử Lê, Trần Hoài Thư, Thân Trọng Phúc ... là những bài thơ hay, đẹp, lạ và ý nghĩa vì nhận xét về tác giả khác bằng thơ rất khó làm nhưng thi sĩ Lâm Thuý viết rất hay.

Tiếp theo tôi muốn đọc quyển Thâm Tình (2014), thi tập chia làm 4 phần: phần I: Từ Phụ (viết cho Cha), phần II: Thâm Tình (viết cho gia đình, các em, con cháu) phần III: Từ Biệt Ngô Thị Lệ Hằng, phần IV: Thân Tình (viết cho bạn bè). Người Cha có công lao rất lớn đối với con cái nhưng dường như ít được nhắc tới và viết về trong văn chương. Nhưng thi sĩ Lâm Thuý đã viết một cách chân thành về người Cha của cô. Và tôi thích nhất là bài: Nhớ Cha Công Núi, On Trời (trang 16)

*Nhớ cha thời trẻ, đêm soi
Bắt từng con cá về nuôi tụi mình
Đi hôi, mót lúa nương sinh
Bị người mắng đuổi, cũng đành vì con*



...

Con đi ra Bắc, về Đông
Đến nay trái đất nửa vòng xa xôi
Nhớ cha xót dạ bùi ngùi
Thấm câu công núi, ơn trời thâm sâu
Thương cha bên cửa râu râu
Mắt trông tám hướng, tâm sầu mười phương
Mong con, ngóng cháu, bồn chồn
Nghe chiều tịch tịch, sương đôn ngổ xa
Ơn trời, xin thọ, phước cha

Để con về có chỗ mà nương thân”

Bài thơ chân chất mộc mạc mà vơi vợi lòng thương Cha tha thiết.

Có một bài khác cũng rất hay: Cha Ngồi Đợi Nắng TRông Mưa trang 42. Có hai bài nói về nỗi niềm người xa xứ: Mùa Đông Đất Khách trang 28, 29 và Những Đàn Chim Thiên Di trang 30, 31 thật hay. Có một bài thơ rất đặc biệt ở trang 55, Thịnh Cầu (Gửi Đức Lang Quân), nài thơ xin chồng thương yêu thông cảm để về thăm Cha Mẹ. Những bài thơ ở phần II: Thân Tình cũng rất hay: viết cho cháu ngoại, cho con, cho các em... Bài nào cũng chan chứa dào dạt thâm tình của thi sĩ Lãm Thuý, một tấm lòng cao đẹp, hiền hậu và cao thượng. Phần III: Tử Biệt Ngô Thị Lệ Hằng, khóc người em, những bài thơ làm ta rơi nước mắt. Phần IV: Thân Tình: gồm những bài thơ tặng bạn bè thân hữu, và tiễn biệt khóc người đã khuất. Bài thơ nào cũng chất chứa những tình cảm tốt đẹp, chân thành sâu sắc nhất của tác giả. Thật đáng trân trọng và khâm phục. Chị viết bài nào cũng với tất cả tâm hồn và khối óc nhiệt huyết của mình.

Nhưng có lẽ Thi tập Từ Mẫu (2014) là thi tập mà tác giả viết bằng cả con người mình, bằng nước mắt và nỗi đau thống thiết nhất. Thi tập Từ Mẫu cũng 3 phần: Phần I: Từ Mẫu (từ trang 22 đến trang 194, viết về người Mẹ Hiền, Từ Mẫu người mà thi sĩ yêu

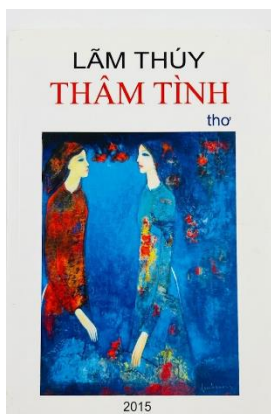
thương hết mực và coi là Bồ Tát) Phần II: Từ Biệt Trần Thuý Trúc (từ trang 195 đến 414, viết cho con gái của thi sĩ Lãm Thuý là Trần Thuý Trúc đã qua đời khi còn quá trẻ) Phần III: Thơ Cho THuý Quỳnh (từ trang 415 đến cuối sách trang 431). Phần I gồm nhiều bài thơ rất hay viết về Mẹ khi Mẹ còn tại thế và khóc Mẹ khi Người đã quá vắng. Bài nào cũng xuất sắc nhưng tôi cũng đồng ý với chính tác giả là bài Từ Mẫu ở đâu tập và là tên của thi tập là bài hay nhất: những vần thơ thật đẹp, như tâm hồn thật đẹp của người con thương yêu Mẹ vô cùng. Tất cả những bài thơ khác đều hay, đẹp nhưng tôi thích bài Trường Thi Mẹ (trang 68- 75) và 10 bài Nhớ từ trang 126 đến trang 141. Ôi những vần thơ của người con thương Mẹ vô biên vô cùng nhưng vì lớn lên phải xa mẹ.

Nhưng có lẽ mọi người cũng như tôi không ai là không rơi nước mắt khi đọc phần II của thi tập Từ Mẫu này: Từ Biệt Trần Thuý Trúc. Thi sĩ Lãm Thuý đã viết những vần thơ này bằng máu, nước mắt và nỗi thống khổ sâu thẳm nhất của người mẹ khóc con. Có lẽ trong cuộc đời của chúng ta không có nỗi đau khổ nào to lớn hơn, tàn nhẫn hơn là nỗi đau của một người mẹ mất con, khóc con khi con chết trẻ. Đọc những vần thơ đầm đây nước mắt của chị làm cho tôi (TMH) thương hai con của tôi nhiều hơn, thương vợ tôi hơn, thương Má của tôi hơn, vì Má tôi vẫn luôn thương yêu và cầu nguyện cho thằng con trai đã 45 tuổi đâu vẫn chỉ là kẻ vô tích sự, khờ khạo, ngu ngơ. Bài thơ nào cũng hay, cũng đặc biệt đặc sắc nhưng tôi thích nhất là bài: Gửi Con Vào Chùa (396-397)

*Tay ôm tro cốt một bình
Máu me cốt nhục, thâm tình là đây
Giờ Con chỉ nhúm bụi này
Thân tan lửa bỏng, hồn bay cõi nào?*

Ôm bình tro cốt Lòng đau

Âm bổng Thuở nợ nghẹn ngào Tử sinh
Ôi! Con phận bạc, đã đành
Nỡ lòng chi huỷ hoại hình hài xưa?



Ba mươi năm ấy đến giờ
Trong tay còn chút tàn tro bụi này
Đau lòng đứt ruột là đây
Nhỏ bao nhiêu lệ cho đây, cho vui?

Nhẹ tên. Ôi! Một kiếp người
Chút tro bụi ấy là đời Phù sinh!
Ôm con hư ảo vóc hình
Mà nghe trĩu nặng tim mình Nỗi đau

Thiên môn Mẹ gửi con vào
Nằm nghe kinh kệ, kiếp sau an bình
Câu cho cực lạc, vãng sinh
Câu cho vọng nghiệp, tan thành khói hương
7-11-04

Ôi! những vần thơ tuyệt vời tuyệt đẹp viết cho con, cũng là cho kiếp nhân sinh của tâm hồn thi ca cao đẹp của thi sĩ Lâm Thuý.

Ba thi tập của thi sĩ Lâm Thuý là những vần thơ viết từ tâm huyết, nhiệt huyết và tấm lòng cao thượng, tuyệt đẹp của nhà thơ, trong bài viết ngắn này chúng ta chỉ phép điểm qua những nét tinh túy nhất. Xin quý vị tìm đọc và chiêm nghiệm những vần thơ đẹp để này.

Trần Minh Hiền

Orlando ngày 15 tháng 12 năm 2015

THIÊN ĐƯỜNG CỦA THÚY

NGUYỄN THỊ DIỆP

T

ôi có vài người bạn ở nước ngoài. Những lần gặp nhau, trong khi trò chuyện họ thường dùng cụm từ “Ở bên Mỹ...” với giọng thật tự hào. Nghe riết rồi thành quen, và tôi nghĩ điều đó cũng đúng. Nhưng rồi có một lần tôi khá ngỡ ngàng khi nằm với Thúy trên bộ ngựa gỗ nhà Thúy ở quê nhà. Trong không gian yên ả của buổi trưa hè, Thúy nói: “Thiên đường của Thúy là ở nơi này!”. Tôi nhìn ra cửa sổ, bóng nắng lao xao trên vòm lá. Thật bình yên. Tôi nghĩ chắc là Thúy cảm nhận sự yên bình trong tâm hồn sau bao tháng năm bôn ba nơi đất khách nên Thúy mới nói thế, mới nâng hình ảnh “Chùm khế ngọt” thành “Thiên đường” chăng? Nhưng không phải vậy, đó không phải là cảm nhận nhất thời. Ta sẽ thấy thấm đẫm tình yêu và nỗi nhớ quê nhà khi lần giờ từng trang thơ của Lãm Thúy. Đó là khu vườn cũ với hoa cam nở trắng và mùi hương quen thuộc còn hoài trong ký ức:

*Ta nhớ vườn xưa hoa nở trắng
Chiều thơm ngậy ngất, dịu hương cam.
Cha ta thơ thẩn qua từng nhánh
Gõ nhẹ cho rơi những cánh tàn.*

Cảnh vật man mác buồn với màu hoa tím rụng băng khuâng:
*Cuối vườn có cội bằng lăng nở
Chiều nao rụng cánh, tím mường bèo.
Nhà ai hoa giấy bay trong gió
Cánh mỏng manh buồn, nước cuốn theo...*

Và dòng sông quê chờ nắng, chờ mưa, chờ niềm thương nỗi nhớ của người con xa xứ:

*Lòng riêng nhớ cảnh nhớ người
Nhớ sông sớm nắng, nhớ trời chiều mưa.
Ở đây: Buồn đủ bốn mùa
Thu buồn lá úa. Đông xua lạnh về.*

Lòng bỗng dâng lên sự thèm thường da diết:

*Thèm nghe tiếng gáy gà trưa,
Thèm nghe nhịp võng mẹ đưa. Ví đâu...*

Quê hương không chỉ có thế, mà có cả những năm tháng nhọc nhằn, gieo neo, vất vả mà ấm áp yêu thương:

*Nhà nghèo, rách mặc, thiếu ăn
Cha đi câu cá, phơi thân nắng hè.
Rô mề mẹ nướng gắp tre,
Dầm nước mắt hạnh, còn mê đến giờ.*

Những sắc màu lung linh trong kỷ niệm, những mùi hương còn đọng mãi dư hương, những hình ảnh thân yêu còn hoài trong trí nhớ, Lãm Thúy đã trân trọng đặt một cái tên nơi trái tim:

*Ở đó bên bờ sông nước cũ,
Vội ta là cả một thiên đường!*

Và cái “thiên đường” đó gắn chặt với hình ảnh người mẹ yêu thương luôn canh cánh bên lòng nỗi nhớ:

*Mẹ ơi! Chiều nay sóng vỗ
Con sông có trắng mưa dài?
Biết ai chờ giùm nỗi nhớ
Mang về cho mẹ, chiều nay.*

Cái nhớ tha thiết, dâng trào và mãnh liệt bật thành tiếng kêu xé ruột:

Mẹ ơi! Thương mẹ vô cùng!

Mẹ ơi! Nhớ mẹ trong từng sát na.

Bằng tình yêu thương vô bờ bến ấy, tác giả đã vẽ lại chân dung người mẹ của mình, một bà mẹ chân quê yêu cháu con vô bờ bến, và cũng như con, bà đau đáu hoài vọng cố hương của mình qua những câu chuyện “ngày xưa” ráp nối nhau như cổ tích (tất cả những bà mẹ đều như thế!), và bà cũng có một thiên đường của riêng mình:

Muốn về thăm lại Mỹ Xương

Với mẹ.Tìm lại thiên đường ngày xưa...

Và thật tuyệt vời, chính mẹ mới thật sự là thiên đường của những đứa con. Lãm Thúy đã cảm nhận điều đó một cách hết sức tự nhiên và bình dị nhất:

Trẻ thơ, nếu biết Thiên Đường

Hắn trong tay Mẹ là phương non Bồng.

Cái chốn Thiên Đường, Bồng Lai người ta thường dùng để nói về nơi tiên cảnh, nhưng với Lãm Thúy đó là đời thực, cảnh thực, người thực, không hề hư cấu.Vì Mẹ có ai hư cấu bao giờ?

Mẹ là Thiên Đường trong trái tim con, và Bồng Lai là nơi có mẹ:

Một cội Bồng Lai, một cội xa

Nhớ ơi là nhớ quá quê nhà...

Rồi lại lần lần âu lo cái ngày thiên đường sụp đổ:

Thôi không dám nghĩ chi ngày ấy

Là ngày vũ trụ cũng tiêu sơ

*Khi con về lại, tìm không thấy
Bóng mẹ thân yêu tựa cửa chờ...*

Nhưng rồi cái ngày kinh hoàng ấy cũng đến, thiên đường sụp đổ, vũ trụ tiêu sơ. Có điều trái tim hiếu tử không kêu gào thảm khốc, nó trầm lắng một cách lạnh lùng, tê tái:

*Con về, lòng cũng tịch liêu
Trái tim dường đã vui theo dưới mồ.*

Thiên đường vụt tắt, mẫu tử chia lìa, hình hài sống không còn sự sống, tro tro, ngẩn ngơ:

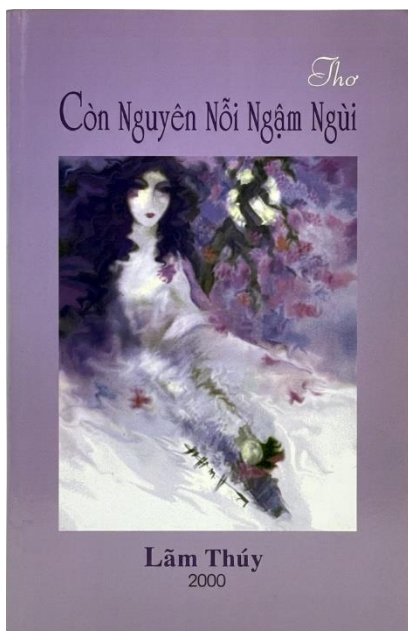
*Thiên đàng đã khuất trong mơ
Mình ta đứng lại ngẩn ngơ cuối đường.
Và rồi một tiếng kêu nghẹn ngào, thê thiết:
Cho dù vũ trụ mệnh mông
Từ con mất mẹ, đời không lối về...*

Không than khóc, không vật vã, không một giọt nước mắt, nhưng người đọc đã cảm nhận qua đó nỗi đau tột cùng của người con mất mẹ. Đó là một sự "bình tĩnh" ghê người, một sự bình tĩnh đón đau hơn muôn vạn lần tiếng khóc. Đó là sự cô đơn hoang lạnh khi mất một thiên đường.

Ta thấy từ đầu đến cuối Lâm Thúy đã rất nhất quán trong suy nghĩ và cảm xúc của mình. Thương nhớ quê hương, thương nhớ mẹ, cảm xúc dạt dào khi nói về một thiên đường của riêng mình. Nỗi đau khi thiên đường lịm tắt. Hình ảnh Thiên Đường xuyên suốt các tập thơ, nhưng có lẽ Lâm Thúy không để ý điều đó. Lâm Thúy không chủ tâm mà cứ để dòng thơ tuôn trào theo mạch cảm xúc một cách tự nhiên. Chính vì sự tự nhiên đó mới làm nên một Lâm Thúy chân thành, tha thiết và sâu lắng đến vậy.

Nguyễn Thị Diệp - 15-5-2015

LÃM THÚY
VỚI NHỮNG NỖI NGẬM NGÙI CÒN NGUYÊN
PHẠM VĂN NHÀN



Tôi nhận tập thơ của nhà thơ nữ Lâm Thúy do anh Trần Hoài

Thư gởi đến tặng, theo lời tác giả. Tập thơ đến vào giữa mùa đông hoa kỳ. Ngoài trời tuyết rơi trắng xóa trên những mái nhà, trên những con đường. Thời tiết lạnh cóng dưới không độ.

Ngồi nhà đọc thơ còn gì thú hơn!

Trong bài: Tàn Thu nơi trang đầu của tập thơ, Lâm Thúy viết:

*"Hàng cây trơ cành. Đợi
Mùa đông phủ tuyết lên
Nhánh khô gãy yếu đuôi*

Lặng lẽ chờ oan khiên... ”

Bốn câu thơ trên đã gợi lên cho tôi một ấn tượng. Mùa đông. Vâng. Mùa đông đang đến giữa cái băng giá của tuyết, của đá (icy) đóng trên những cành cây trụi lá.

Tàn Thu của Lâm Thúy không có con nai vàng ngơ ngác, đập trên lá vàng khô (ở quê nhà) mà một thời ai cũng thuộc bài thơ “mùa thu” của nhà thơ tiền chiến Lưu Trọng Lư. Ở đây Lâm Thúy không có con nai vàng ngơ ngác... mà có những nhánh khô gầy, yếu đuối, buồn thảm... Và, lặng lẽ chờ oan khiên (ảm đạm). Theo tôi: lá rụng, đó là một hệ sinh thái tự nhiên của đất trời. Lá rụng, không có nghĩa là tự hủy diệt, mà vẫn còn đó qua một trạng thái khác để nuôi cây. Rồi lá vẫn xanh trên cành (mùa xuân), vẫn khô gầy, yếu đuối (mùa đông). Để rồi, trong bốn câu cuối của bài Tàn Thu:

*“Dẫu trời im đứng gió
Đời không hẹn bình yên
Lá khô từ thiên cổ
Tàn thu. Sầu mệnh mông... ”*

“Tàn Thu” là bài thơ đầu trong tập *“Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi”* đã “hấp dẫn” để tôi đọc tiếp những bài thơ khác trong thi tập của nhà thơ Lâm Thúy.

Ở trang sau của bìa sách, tác giả ghi vài dòng tiểu sử thật giản dị. Nhưng cũng đủ để cho người đọc biết được một phần đời của tác giả.

Sinh tại Nhon Ái, Phong Điền, Cần Thơ. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Cần thơ. Định cư tại Mỹ năm 1992. Biết được một ít thông tin về thân thế của nhà thơ nữ này, đọc tiếp nơi trang Lời ngỏ tác giả ghi: *“Lâm Thúy làm thơ, tức là dần trải tâm hồn mình, diễn tả những*

cảm xúc, những rung động với cái buồn, cái đẹp, nỗi yêu đương bằng chính những gì thành thực trong trái tim và thường là nghĩ sao viết vậy, không sửa đổi, không trau chuốt; vì thế chắc là thiếu phần tinh xảo và đặc sắc... “Đó là những gì tôi đọc được trong “lời ngỏ” của thi tập. Nhưng, càng đi sâu vào những trang thơ của tập thơ, có lẽ đây cũng chỉ là những lời “khiêm tốn” đang trân trọng của một nhà thơ nữ, có lẽ mới in tập thơ đầu tay này?

Nói về nhà thơ nữ ở hải ngoại cũng khá nhiều. Nhưng tìm được những bài thơ hay, phải nói là hiếm. Thơ hay, dễ làm cho đọc giả dễ nhớ hơn là những bài thơ dở.

Điều này, rõ ràng như một quy luật dành cho người đọc thơ và thích thơ. Nhưng với tập thơ “Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi” của Lãm Thúy thì chưa có bài thơ nào làm tôi chán, khi đọc.

Với 124 bài thơ nằm gọn trong 153 trang. Có bài dài hai trang. Nhưng số nhiều, những bài thơ chỉ “gói trọn” trong một trang. Ngắn. Dễ đọc. Đúng như những gì nhà thơ Lãm Thúy đã viết trong “lời ngỏ”: nghĩ sao viết vậy, không sửa đổi, không trau chuốt.

Nhưng xuyên suốt 124 bài thơ tôi đọc, ít ra cũng “gây một cảm xúc mạnh” đối với người đọc khó tính, khi đọc thơ Lãm Thúy.

Có những bài thơ Lãm Thúy viết như một hoài niệm của những ngày còn ở quê nhà (chiếm khoảng 1/3 của tập thơ). Nỗi hoài niệm rất dễ thương ở những cô “nữ sinh áo trắng” làm thơ học trò, dễ yêu và dễ nhớ. Hoài niệm về một vùng quê sông nước mênh mông, hoài niệm về tình yêu:

*“Nhớ thuở xuôi thuyền qua đó
Rộn ràng mặt nước, bến sông
Thơ ngây lòng vui hơn hờ
Nhớ gì đò dọc hoài công!
Chiều xưa bên vườn thính vắng
Bồi hồi chẳng biết thu đông
Có cô học trò áo trắng*

Về qua, xuân hạ vô cùng...

....

Chiều nay về ngang bến cũ

Một trời Phước Nhơn bụi ngùi

Chẳng biết cây bằng lăng ấy

Còn hoa tím nữa hay thôi?..”

(Còn hoa tím nữa hay thôi?)

Nỗi hoài niệm về một vùng quê sông nước Phong Điền chẳng chịt những kênh rạch, những vườn cây trái xum xuê, những con người với tâm hồn cởi mở, giàu lòng thương người... trong xóm làng, hay trên chợ nổi Phong Điền đã ảnh hưởng đến cuộc sống của nhà thơ trên một vùng sông nước Hậu giang. Cho dù ở một phương trời nào, thì dòng sông Hậu cũng vẫn là nhịp thở trong cuộc sống hằng ngày của tác giả.

“Nghìn thu bến cũ chưa nhòa

Hậu giang ơi, bóng con đò chờ mong

Một đời người, một dòng sông

Hậu giang còn mãi giữa lòng hoài hương”

(Bến Cũ)

Dòng sông. Trong mỗi con người đều có một dòng sông để nhớ. Có lẽ, nhà thơ Lâm Thúy cũng không thoát ra khỏi cái quy luật ấy, nhất là với một người con gái đã mang trong mình một “tâm hồn thơ”. Cho nên, dù ở đâu thì cũng về thôi. Về lại cái xứ sở thân yêu mà người thơ đã lớn. Về lại bên bờ con sông cũ để xem hoa bằng lăng tím có còn nở bên bến sông xưa? Về để nghe điệu hò trên sông nước mênh mông, hay nghe lại điệu đờn ca tài tử trong lòng người dân thôn xóm đã nuôi nhà thơ lớn lên từ trong tiếng đờn, tiếng hát ấy. Về thôi. Với những câu thơ nặng tình, nặng nghĩa:

*"Về thôi, trăng úa lâu rồi
Về thôi, mòn mỏi lắm, người chờ mong
Về thôi, sâu đã thành dòng
Về thôi, gió đã lạnh lòng từ lâu.
(Về Thôi)*

Hay trong bài "Nỗi Nhớ" Lãm Thúy đã bộc bạch một cách rõ ràng tâm trạng của một người xa quê. Có lẽ nỗi nhớ của Lãm Thúy, cũng là nỗi nhớ chung của chúng ta khi phải lìa bỏ dòng sông, bến cũ. Mà, với những con chữ trong câu đầu của bài "Nỗi Nhớ" ta đã thấy nỗi nhớ đã réo lên trong máu huyết của nhà thơ qua những cái phẩy ngắt câu thật dứt khoát, rõ ràng: vô cùng, vô tận, vô biên. Cái gì vô cùng, vô tận, vô biên... Nhớ. Ta đọc bài Nỗi Nhớ để thấy tấm lòng của Lãm Thúy:

*"Vô cùng, vô tận, vô biên
Nỗi thương nhớ gọi về em, quê nhà
Mênh mông, bát ngát, bao la
Nỗi buồn gặm nhấm hồn ta từng ngày
Mà không, từng phút, từng giây
Vọng phương ấy, một phương này vời trông*

*Ai đâu cách mặt xa lòng
Sao ta lại thấy nghìn trùng mền thương
Một lòng hoài vọng cố hương
Trong tim vời vợi nỗi buồn tha phương
Còn xanh lá những con đường
Hoa cau, hoa bưởi sau vườn còn thơm?
Con đò neo bến chiều hôm
Còn nghe tiếng gọi bên vàm sông xưa?
Còn xa quê nữa, mấy mùa?*

*Còn hồi tưởng mấy cho vừa nhớ nhưng
Cô đơn, tro troi, lạnh lùng
Nơi đây có một người không linh hồn.*

Đấy, nỗi nhớ quê của Lãm Thúy mãnh liệt như thế đó. Đọc, tôi khoái 4 câu thơ: *còn xanh lá những con đường/ Hoa cau, hoa bưởi sau vườn còn thơm?/ Con đò neo bến chiều hôm/ Còn nghe tiếng gọi bên vàm sông xưa?*

Những câu lục bát như bức tranh thủy mặc mà Lãm Thúy đã vẽ lên, gây cho người xem một cảm giác tươi mát, mà chỉ có làng quê sông nước Việt Nam mới có. Tôi đoán chắc như thế. Trên xứ người làm sao mà nghe được mùi thơm của hoa bưởi, hoa cau trong vườn? Làm sao mà nhìn thấy bóng con đò neo bến chiều hôm? Làm sao mà nghe được tiếng gọi đò bên vàm sông cũ? Chỉ có làng quê Việt mới có những hình ảnh ấy. Mà, sao lạ, hình ảnh đó nó quây quắt chẳng những trong tâm thức của tác giả mà còn cả đến người đọc bài thơ này. Với những ngắt câu bằng những dấu phẩy rõ rệt làm tăng thêm nỗi nhớ quê lạ lùng.

-oOo-

Tôi vốn là một người mê giáo lý của Phật Đà. Cho nên, khi tiếp nhận tập thơ của Lãm Thúy, rõ ràng: có một sự đồng thuận ngay với tôi trong suốt tập thơ *Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi* này; vì hầu như bài nào cũng có mang ít nhiều giáo lý của Phật Đà trong đó. Có điều phải nói vì Lãm Thúy là nhà thơ nữ, cho nên, vẫn không thoát ra khỏi nỗi lo âu rất là con gái khi nghĩ đến những người thân của mình, dù biết: tất cả đều là huyễn trong cuộc sống. Cho dù trong cuộc sống hôm nay, ngoài những công việc đa đoan hàng ngày của người phụ nữ trong gia đình phải làm (chăm sóc cho chồng, cho con). Đó là một bản năng rất quý của người phụ nữ Việt. Nhưng với nhà thơ, hình như tất cả có một cái gì đó “tự nguyện” trả cho nhau “món nợ đời”.

Biết đâu trong muôn ngàn kiếp trước đã buộc vào nhau? Và, trong kiếp nhân sinh tạm bợ này, Lãm Thúy đã nhìn thấy, đã biết... Và, cũng từ hai chữ “nhân duyên” ấy, mà nhà thơ cũng đi cho hết cuộc đời: nhân duyên cột chặt không đành dứt.

Tuy nhiên với sự rung động từ một trái tim của người làm thơ là nữ giới... thì sự lo âu cho những người thân làm sao tránh khỏi những phút giây... mà trong bài thơ Bước Qua Cõi Chết nhà thơ đã viết lên những dòng thơ sau. Dù đã biết:

*“Biết rồi: sinh ký tử quy
Sống là cõi tạm, chết về thiên thu
Biết rồi cuộc thế phù du
Mất, còn cũng tựa chút mù sương tan*

Nhưng sau đó, Lãm Thúy lại viết:

*“Biết rồi, chốn ấy trước sau
Một lần, ai cũng qua cầu mà thôi
Nhưng ta mới quá nửa đời
Bước đi chưa nở, chân rồi còn vương”*

Hai câu thơ: *Nhưng ta mới quá nửa đời/ Bước đi chưa nở, chân rồi còn vương*. Đó là cái ý niệm chung của kiếp nhân sinh. Có ai mà không muốn sống; dù cuộc sống ấy có thế nào? Khổ đau, bệnh tật? Nhưng, qua những câu thơ năm chữ dưới đây, ta thấy Lãm Thúy đã xác định cho mình một khái niệm rất rõ ràng trong cuộc sống:

*“Người niệm chú từ bi
Có nghe lòng thanh tịnh?
Ta làm thơ tình si
Vẫn thừa niềm thành kính”*

“Ta làm thơ tình si” mà Lãm Thúy đã viết ở trên, trong thi tập ta thấy tình si của Lãm Thúy không là tình “lừa dối, trai gái”. Mà tình si ấy là: hoa, lá, muôn thú và con người. Niềm an lạc chung đó đã đưa nhà thơ đến rất gần giáo lý Phật Đà rồi. Cho nên: *cầu cho người an lạc/Hồn thấy chốn vĩnh hằng*.

Rõ ràng, trong những con chữ, trong những câu thơ của Lãm Thúy không cầu kì, không ẩn chứa nhiều mỹ ngữ như nhiều nhà thơ khác. Giản dị trên những con chữ và giản dị trong tâm hồn của người thơ (có lẽ). Cho nên khi đọc bài: *Thiện Tai*. Tôi nghĩ về sự suy nghĩ của tôi về nhà thơ nữ này: giản dị về tâm hồn, và nhất là đây ấp Phật Tính, ngay cả trong giấc ngủ:

*“Nghe anh, em lánh sự đời
Đêm ôm sách Phật ngủ vui. Thiện tâm
Nghe trăng ghé lại chỗ nằm
“Nguyệt lai môn hạ...” Hỏi thăm: “nhàn chưa?”*

*Lòng trần gột rửa bọn nhơ
Bỏ miên tục lụy, tìm bờ giác, qua
Vẫn thương người hơn thương ta
Trấn an. Em nhủ: chắc là thiện căn*

“*Vẫn thương người hơn thương ta*” đó là một trong muôn nghìn giáo lý của Phật Đà.

Nhưng, với bốn câu thơ đầu, tôi nghe như vẫn có cái gì đó: nghịch lý (với tôi) có phải thế không nhà thơ?

Dù sao, khi đọc xong tập thơ: *Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi* của nhà thơ Lãm Thúy, tôi có thể hình dung ra ngay được con người của nhà thơ (ít nhiều). Ngoài cái giản dị, chân chất trong những bài

thơ, những câu thơ ra, tôi nghĩ Lâm Thúy chưa “Tĩnh” nổi; vì “Tâm” còn “Động” ghê gớm với “Đời”. Bởi:

*“Thì em vậy đó: Tâm chưa tĩnh
Lòng trần: Ái, ố vẫn còn nguyên”*

Đã là con người làm sao tránh khỏi được cái “*tham, sân, si*” của cuộc đời này. Nó như một ma lực cám dỗ. Nhưng, tôi lại chịu câu



thơ này: lúc khổ cũng mơ thuyền Bát Nhã. Và: vẫn thương người hơn thương ta thì Lâm Thúy, có lẽ, tránh được những “ái, ố” tầm thường trong kiếp nhân sinh để trong lòng nhà thơ lúc nào cũng “*âm ỉ lửa hoan bi*”.

Tóm lại, đây là một tập thơ dễ đọc, dễ thương, dễ gây trong lòng độc giả một “ấn tượng” qua những ý, những lời thơ “mộc mạc” về quê hương, về con người, về kiếp sống... Nhưng lại dễ đi vào lòng người.